

.hsc

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
NỀN TẢNG GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN MỚI**

HSC ONE

PHIÊN BẢN MOBILE

1. TỔNG QUAN (TRANG CHỦ)	03
1.1. Tổng quan thị trường	03
1.2. Chi tiết chỉ số	04
2. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG (THỊ TRƯỜNG)	05
2.1. Danh sách mặc định	05
2.2. Quản lý Danh sách xem	06
2.3. Đồ thị kỹ thuật	08
3. GIAO DỊCH	09
3.1. Đặt lệnh	09
3.1.1. Hướng dẫn đặt lệnh	09
3.1.2. Đặt lệnh trước ngày (Night order)	10
3.2. Quản lý sổ lệnh	11
3.2.1. Sổ lệnh Cơ sở	11
3.2.2. Sổ lệnh Phái sinh	12
3.3. Sửa/ Hủy lệnh	13
3.3.1. Sửa/Hủy lệnh Cơ sở	13
3.3.2. Hủy lệnh Phái sinh	14

4. TÀI KHOẢN	15
4.1. Số dư tài khoản	15
4.2. Số dư tiền	16
4.3. Theo dõi Lãi/ Lỗ của tài khoản	17
5. DỊCH VỤ TIỆN ÍCH	19
5.1. Chuyển tiền	20
5.1.1. Chuyển tiền vào	20
5.1.2. Chuyển tiền nội bộ/ Chuyển tiền ra ngân hàng	21
5.2. Thực hiện quyền trực tuyến	22
5.3. Smart OTP	23
5.3.1. Hướng dẫn kích hoạt Smart OTP	23
5.3.2. Hướng dẫn cách lấy mã Smart OTP	24
5.3.3. Quản lý tính năng Smart OTP	25

Theo dõi thông tin thị trường của các mã chứng khoán theo **Danh sách mặc định sẵn** được phân loại hoặc **Danh sách xem lựa chọn**

2.1. Danh sách mặc định

VNINDEX1,280.98+6.21+0.49%

Cổ phiếuCQETFsPhái sinhChỉ số

VN30

Mã	Giá	TD	%TD	GT
ACB	24.50	-0.05	-0.20%	8 B
POW	14.15	+0.20	+1.43%	17 B
TCB	48.50	-0.10	-0.21%	35 B
GAS	78.20	+0.60	+0.77%	7 B
HDB	23.65	+0.10	+0.42%	17 B
MSN	76.50	+0.30	+0.39%	25 B
MWG	61.80	-0.20	-0.32%	20 B
SSB	22.70	+0.30	+1.34%	6 B
BVH	45.20	+0.90	+2.03%	2 B
PLX	40.50	+0.60	+1.50%	4 B
SHB	11.65	0.00	0.00%	12 B
TPB	18.65	+0.10	+0.54%	7 B
VCB	88.30	+1.20	+1.38%	9 B
VNM	66.10	+0.10	+0.15%	7 B
STB	30.65	+0.15	+0.49%	23 B

VNINDEX1,281.22+6.45+0.51%

Cổ phiếuCQETFsPhái sinhChỉ số

VN30

Lựa chọn danh sách

Bank

Chứng khoán

Stock

Nắm giữ

VN30

VNX50

HNX30

VNDIAMOND

VNFINLEAD

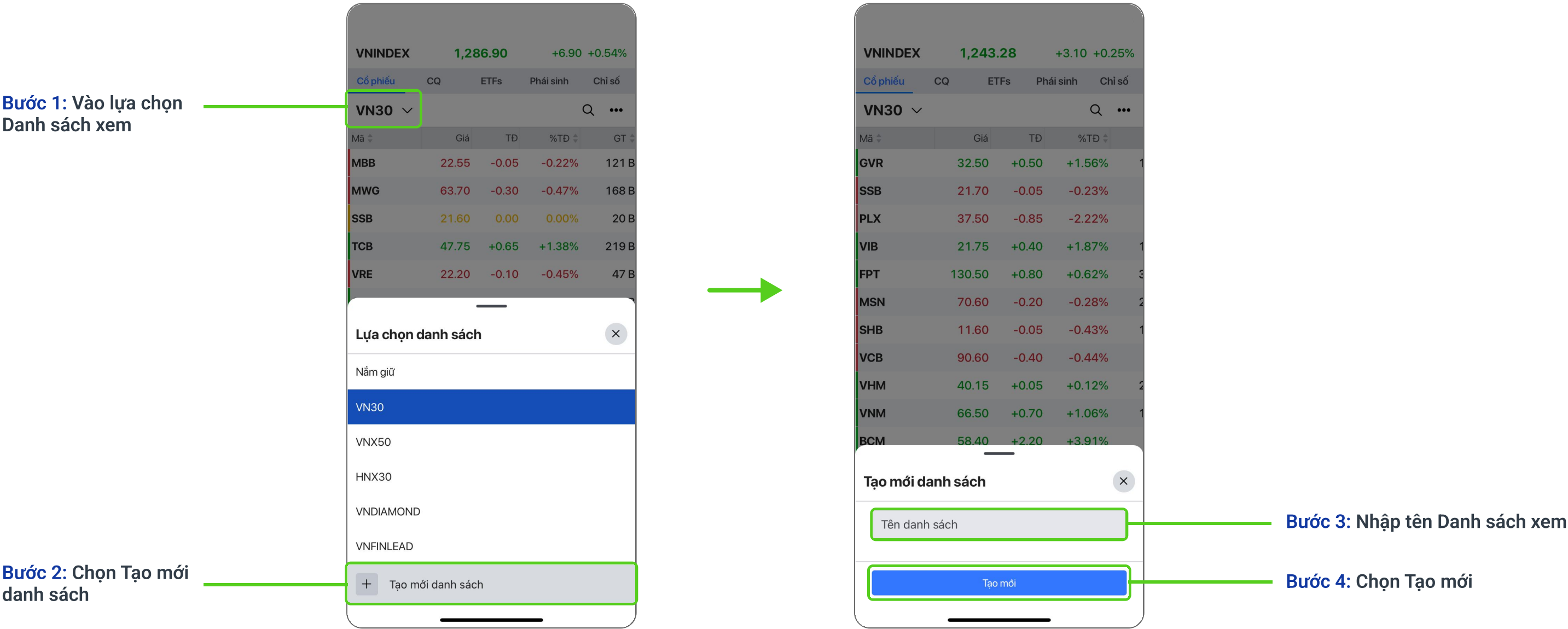
+

Tạo mới danh sách

Chọn để theo dõi theo Danh sách mặc định sẵn

2.2. Quản lý Danh sách xem

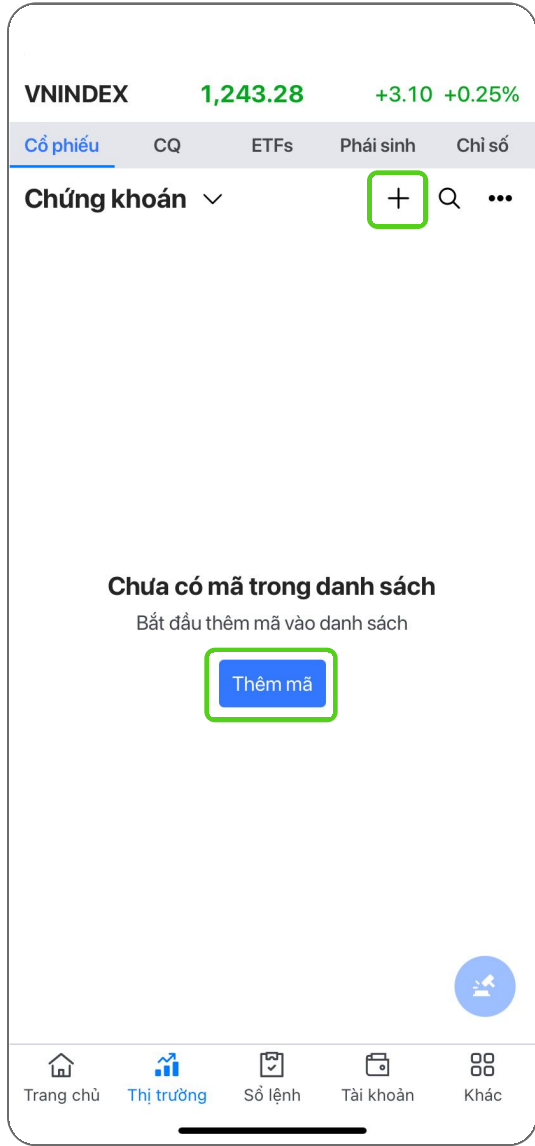
Tính năng **Tạo mới** và **quản lý danh sách xem** tại mục **Thị trường** giúp dễ dàng thiết lập và theo dõi thông tin một cách khoa học, thuận tiện



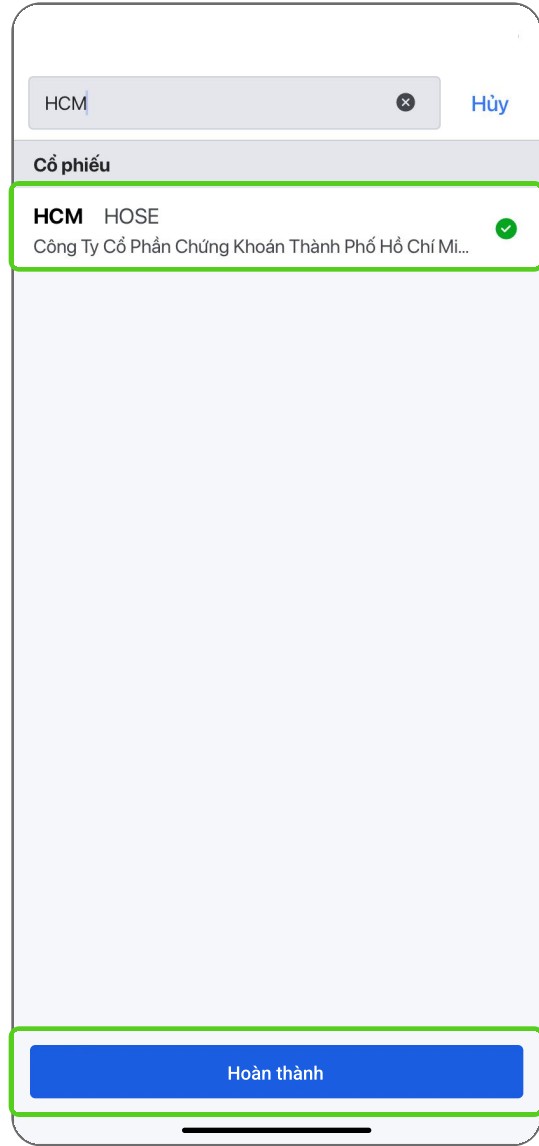
2.2. Quản lý Danh sách xem

Thêm mới mã chứng khoán vào Danh sách xem

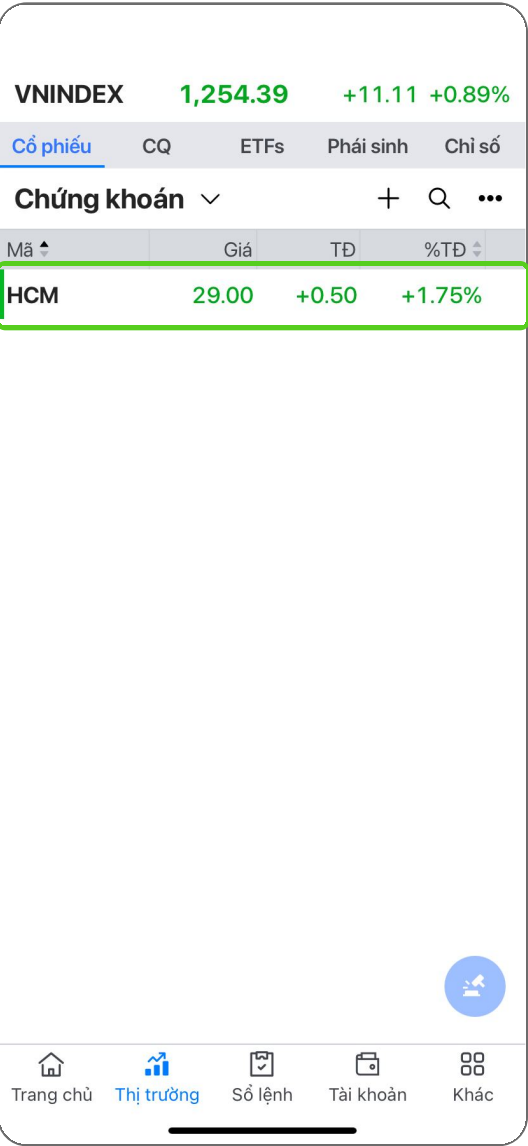
Bước 1: Chọn biểu tượng “+” hoặc Thêm mã



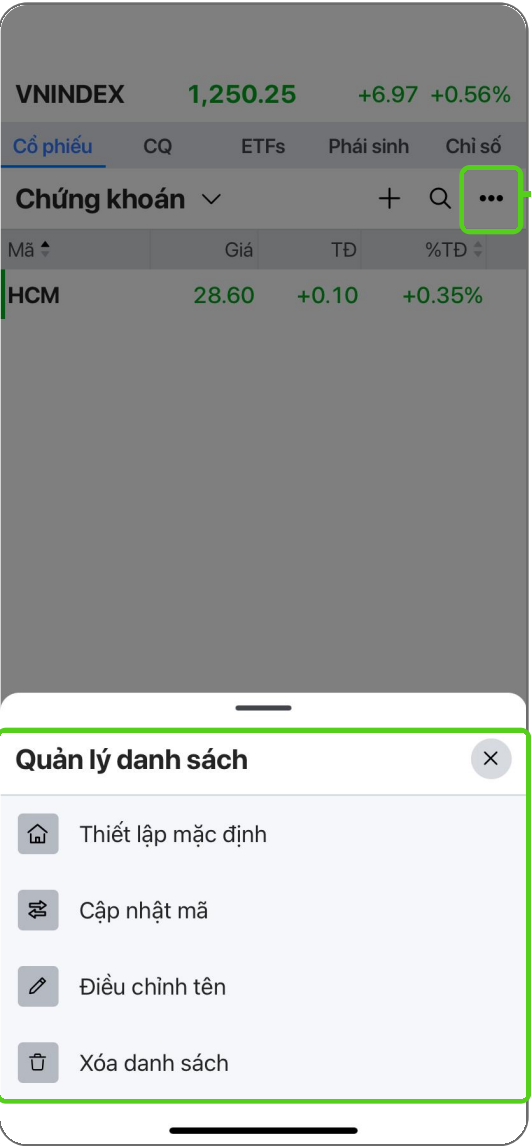
Bước 2: Chọn mã chứng khoán, chọn Hoàn thành



Bước 3: Xem danh sách hiển thị mã chứng khoán đã thêm



Quản lý Danh sách xem



Bước 1: Chọn để hiển thị Quản lý Danh sách xem

Bước 2: Lựa chọn theo yêu cầu Quản lý danh sách

2.3. Đồ thị kỹ thuật

Cung cấp **Đồ thị kỹ thuật** với chế độ xem mở rộng (màn hình xoay ngang) và khả năng thiết lập đồng bộ bố cục xem giữa trình duyệt web và di động.

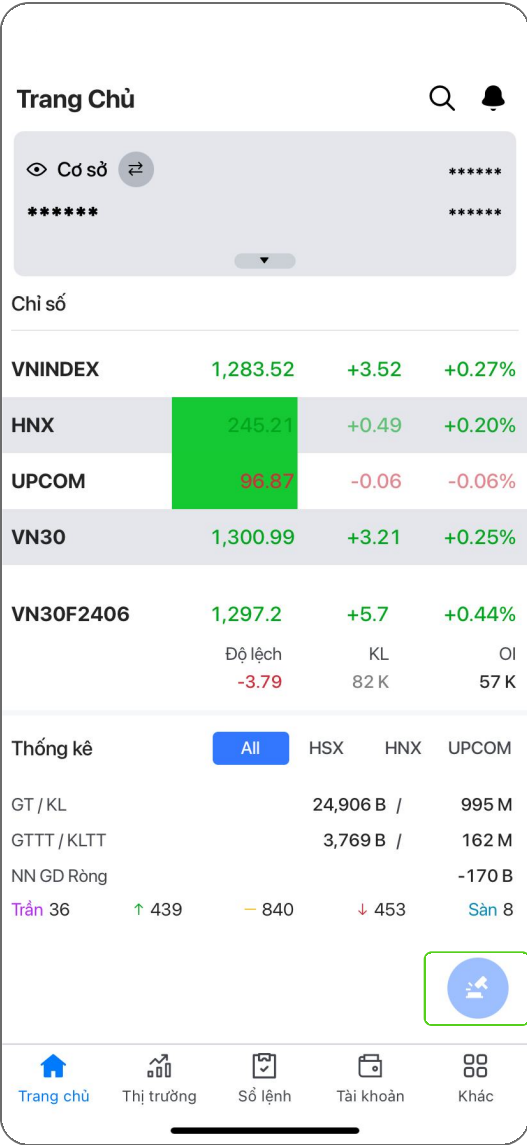


3.1. Đặt lệnh

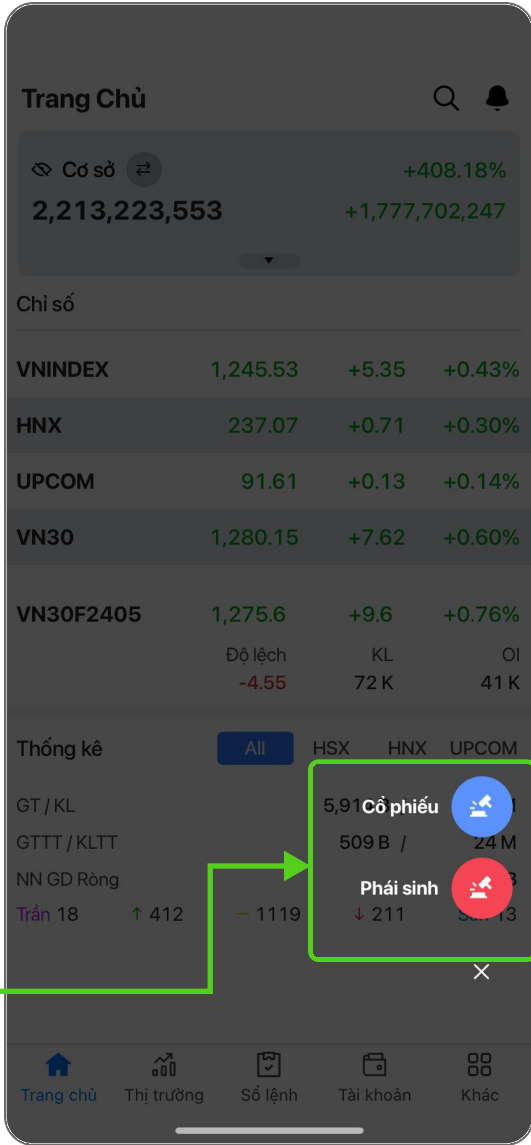
3.1.1. Hướng dẫn đặt lệnh

Chọn tính năng **Đặt lệnh nhanh**  tại các màn hình của ứng dụng để mở đặt lệnh

Tại màn hình chi tiết mã chứng khoán, chọn **MUA/BÁN** để đặt lệnh



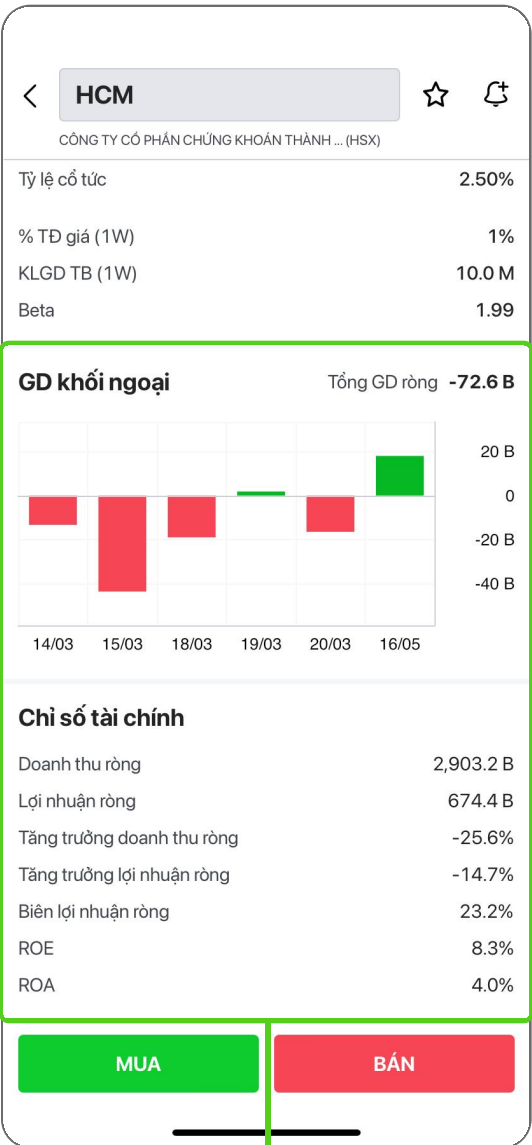
Chọn để đặt lệnh nhanh



Chọn ☆ để thêm mã vào
Danh sách yêu thích
Chọn 🔔 để tạo cảnh báo
cho mã đang xem

Biểu đồ kỹ thuật:
• Tùy chọn hiển thị
thời gian
• Chọn ↗ để xem
Biểu đồ kỹ thuật
ở màn hình rộng

Chọn để **ĐẶT LỆNH**



Thông tin Giao dịch khối ngoại
và Chỉ số tài chính

3.1.2. Đặt lệnh trước ngày (Night order)

Tính năng **Đặt lệnh trước ngày** cho phép người dùng đặt lệnh theo giá trần/sàn tạm tính (*) cho ngày giao dịch kế tiếp, và hỗ trợ xem sổ lệnh của lệnh đặt trước ngày.

Thời gian:

- Lệnh được đặt từ sau **17h00** ngày giao dịch trước tới **08h15** của ngày giao dịch kế tiếp.
- Lệnh trước ngày được chuyển sang Lệnh trong ngày từ **08h15** ngày giao dịch.

Loại lệnh hỗ trợ (Theo quy định giao dịch của HOSE/HNX):

- HSX: lệnh LO/ATO
- HNX & Upcom: lệnh LO

(*) Giá trần/sàn tạm tính có thể thay đổi với các mã chứng khoán có phát sinh sự kiện, Khách hàng vui lòng kiểm tra lệnh đầu ngày để điều chỉnh lệnh đặt (nếu có)

Phiếu lệnh Mua/Bán trước giờ

DVM

Từ 18:00 - 20:00, tài sản và tiền có thể không chính xác do hệ thống đang xử lý cuối ngày.

KL Mua	Mua	Bán	KL Bán
57.0 K	12.60	12.70	89.8 K
95.0 K	12.50	12.80	37.6 K
100.4 K	12.40	12.90	28.5 K

Số dư tiền

13,016,681

Sức mua

31,099,681

SL có thể mua

2,499

MUA

BÁN

100

+

-

LO

12.4

+

-

Giá trị lệnh

1,244,340

MUA - TRƯỚC GIỜ

Trần 13.90 *

Sàn 11.50 *

Giá 12.70 *

1	2	3	-0.5	+0.5
4	5	6	-0.2	+0.2
7	8	9	-0.1	+0.1
.	0	Xoá	Hoàn thành	

Giá tạm tính

Sổ lệnh

Cơ Sở

Hủy tất cả

Mã	Loại	Giá	Tổng SL	T.Thái
DVM	M	12.40	100	Chờ xử lý
FUEVFNVD	M	33.16	100	Chờ xử lý
MBB	B	24.25	100	Chờ xử lý
E1VFN30	B	24.54	100	Chờ xử lý

Tất cả

Chờ khớp

Hoàn tất

Trang chủ

Thị trường

Sổ lệnh

Tài khoản

Khác

3.2. Quản lý sổ lệnh

Sắp xếp sổ lệnh theo trạng thái lệnh giúp dễ dàng theo dõi lệnh đặt và chi tiết lệnh.

3.2.1. Sổ lệnh cơ sở

Phiếu lệnh cơ sở

HCM

Bid Qty	Bid	Ask	Ask Qty
54.3 K	29.45	29.50	49.5 K
16.9 K	29.40	29.55	107.7 K
36.1 K	29.35	29.60	215.2 K

Cash Balance

1,568,326,063

Buying Power

1,568,326,063

Buyable Quantity

52,700

BUY

SELL

1,000

+

-

LO

29.6

+

-

Consideration

29,703,600

BUY

Ceil 31.00

Flr 27.00

Last 29.45

1	2	3	-0.5	+0.5
4	5	6	-0.2	+0.2
7	8	9	-0.1	+0.1
.	0	?	Clear	Done

Chọn để điền nhanh giá muốn thực hiện

Xác nhận lệnh

11:13

Lịch sử đặt lệnh

Sao kê giao dịch

Cài đặt tài khoản

Xác nhận lệnh

Số TK

Tên khách hàng

Loại lệnh

Cổ phiếu

Giá

SL

Giá trị

Thuế & Phí TT

Giá trị lệnh

Mã xác nhận

MUA

HCM

29.60

1,000

29,600,000

103,600

29,703,600

832131 (116)

Hủy

MUA

Chọn để đặt lệnh hoặc hủy thao tác đặt lệnh

Sổ lệnh

Cơ Sở

Hủy tất cả

Mã	Loại	Giá	Tổng SL	T.Thái
HCM	M	29.55	1,000	Chờ khớp
HCM	M	29.60	1,000	Chờ khớp
HCM	M	29.00	10,000	Hoàn tất
HCM	M	29.05	200	Hoàn tất

Tất cả

Chờ khớp

Hoàn tất

Trang chủ

Thị trường

Sổ lệnh

Tài khoản

Khác

Chọn để xem chi tiết lệnh

Chọn để theo dõi sổ lệnh theo trạng thái lệnh

Chi tiết lệnh

HCM

Chờ khớp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Loại lệnh:

MUA

Giá đặt:

29.60

Số lượng:

1,000

Số lượng chờ khớp:

1,000

Số lượng khớp:

-

Số lượng hủy:

-

Giá khớp:

-

Số hiệu lệnh:

DTI2405160323682671

Thời gian đặt lệnh:

10:23:56

Thời gian cập nhật:

10:23:56

Người dùng nhập:

dti.xml1

Kênh:

Mobile

Sửa

Hủy

3.2.2. Sổ lệnh Phái sinh

Phiếu lệnh phái sinh

Trang Chủ

Phái sinh ↔ +8,176.21%
1,236,124,851 +1,221,188,964

Chỉ số

VN30F2409

KL Mua	Mua	Bán	KL Bán
2	1,309.3	1,311.3	1
3	1,309.2	1,314.9	1
2	1,308.7	1,315.0	2
2	1,306.0	1,315.5	1

Sức giao dịch935,236,741

Vị thế ròng1

Lãi / Lỗ tạm tính3,100,000

CT mua / CT bán
29 31

1

+

−

LO

1314.9

+

−

MUA

BÁN

Chọn loại lệnh muốn đặt

Chọn để tăng/giảm nhanh giá và khối lượng

Sổ lệnh

Phái Sinh ↔ Hủy tất cả

Mã	Loại	Giá	KL	T.Thái
VN30F2409	M	1,314.9	1	Chờ khớp

Chờ khớp

Hoàn tất

Trang chủ

Thị trường

Sổ lệnh

Tài khoản

Khác

Chọn để xem chi tiết lệnh

< Chi tiết lệnh

VN30F2409 Chờ khớp

Loại lệnh: MUA

Giá đặt: 1,314.9

Số lượng: 1

Số lượng chờ khớp: 1

Số lượng khớp: -

Số lượng hủy: -

Giá khớp: -

Số hiệu lệnh: DT124051606032753526

Thời gian đặt lệnh: 13:03:27

Thời gian cập nhật: 13:03:27

Người dùng nhập: -

Kênh: Mobile

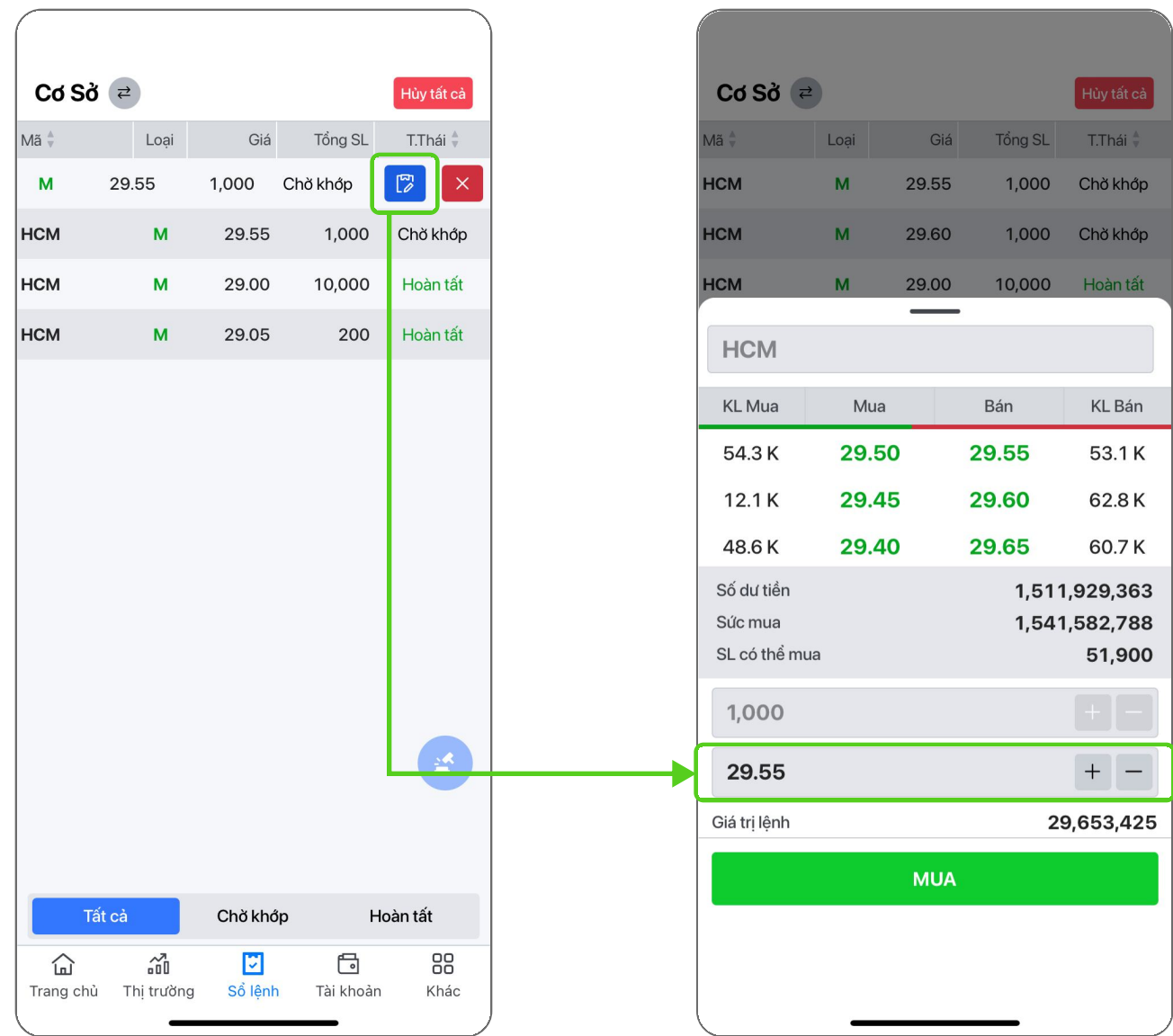
Hủy

3.3. Sửa/ Hủy lệnh

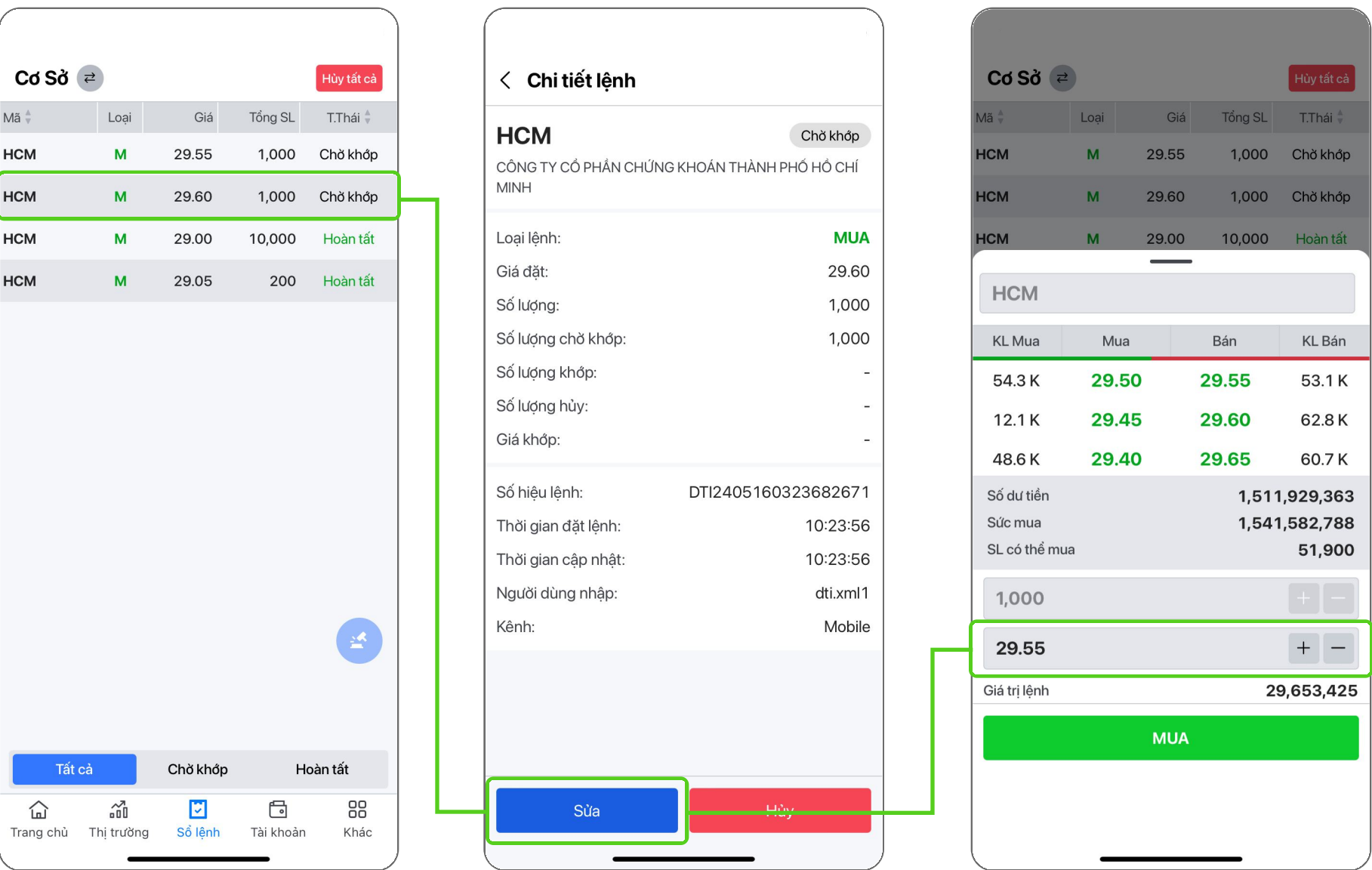
Hỗ trợ thao tác sửa/hủy lệnh đơn giản, nhanh chóng

3.3.1. Sửa/Hủy lệnh Cơ sở

Cách 1: Vuốt ngang, chọn  để sửa lệnh hoặc chọn  để hủy lệnh

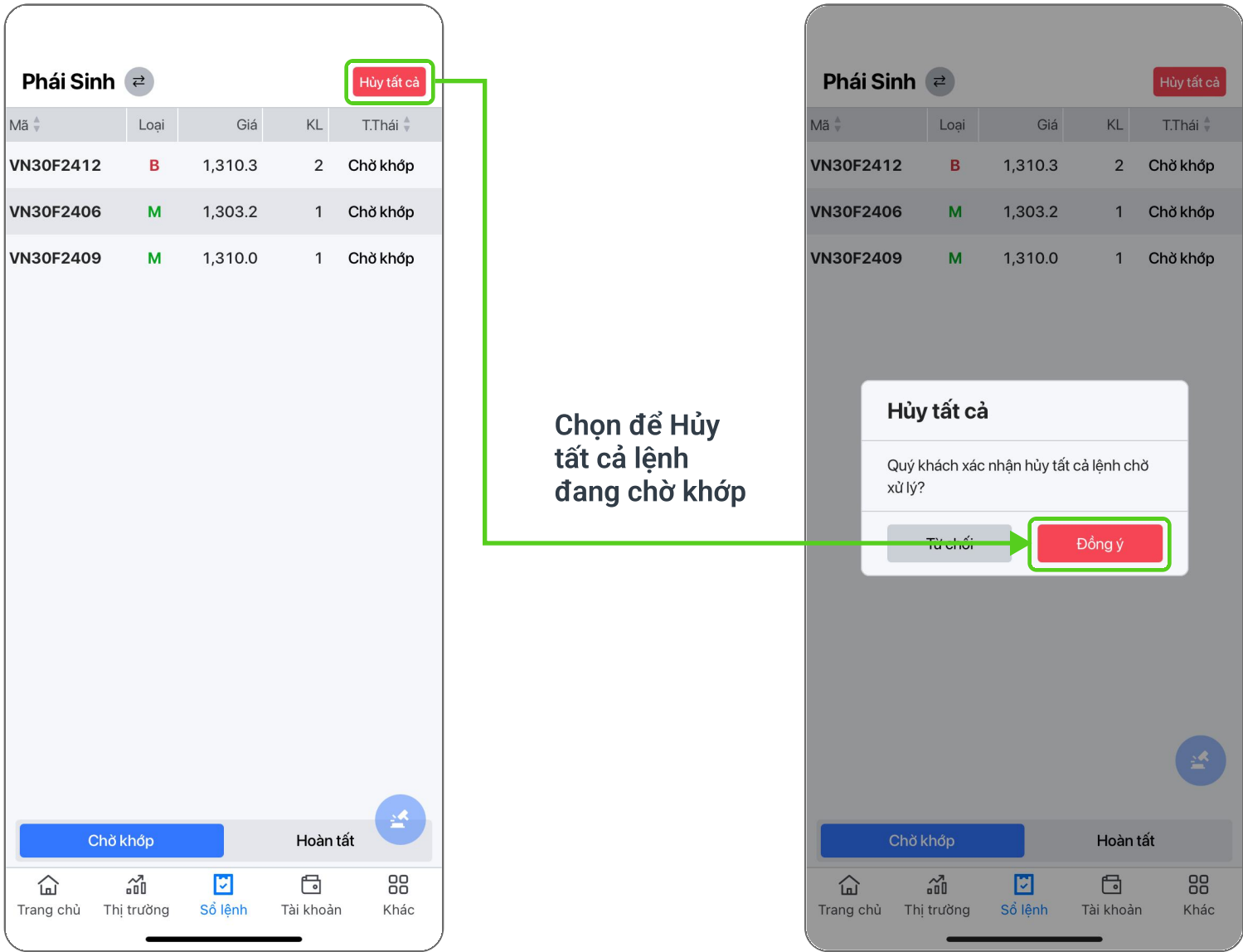


Cách 2: Chọn vào dòng lệnh để xem chi tiết và sửa/hủy lệnh

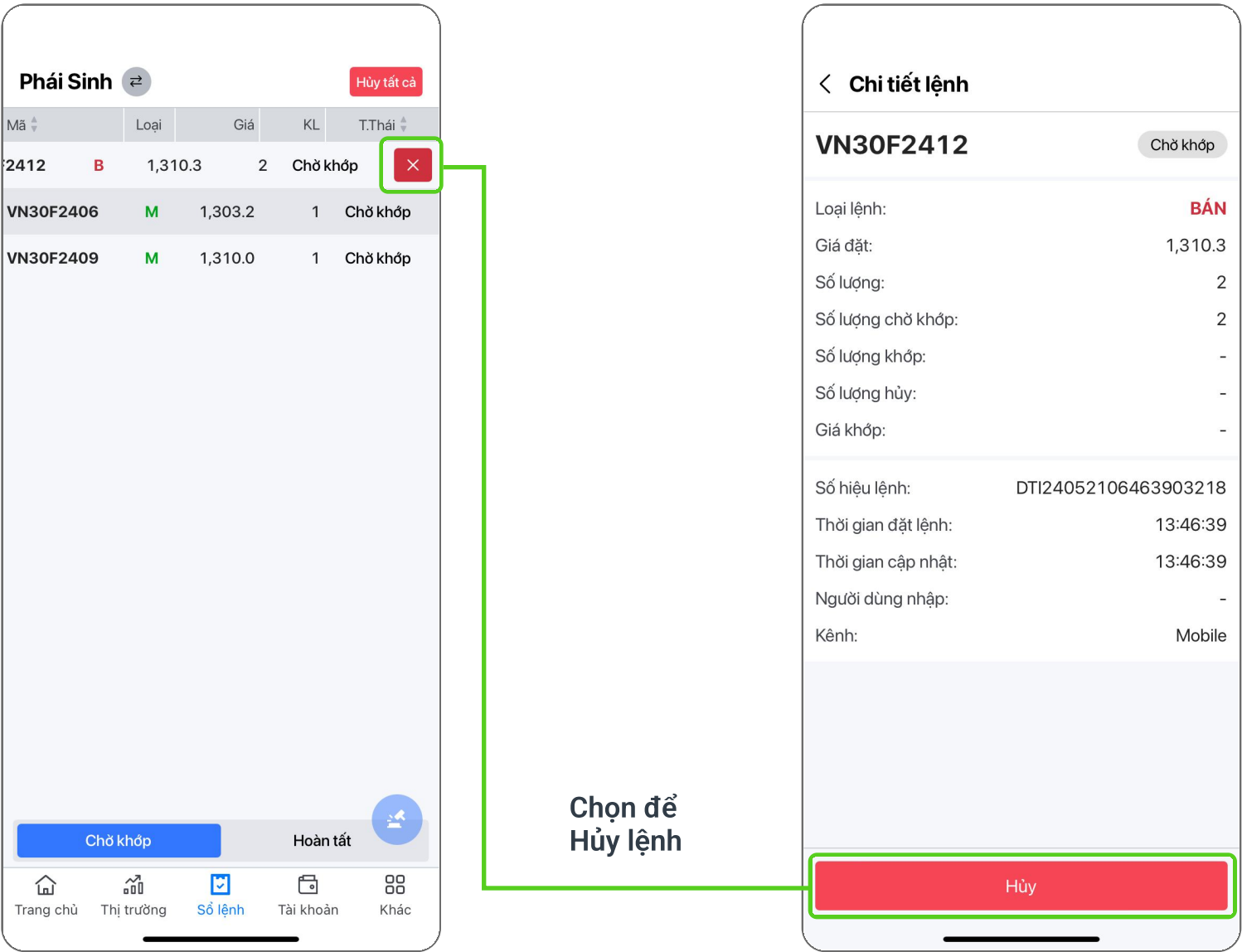


3.3.2. Hủy lệnh Phái sinh

Cách 1: Chọn **Hủy tất cả** để hủy tất cả các lệnh đang chờ khớp



Cách 2: Vuốt ngang và nhấn **X** để hủy lệnh muốn hủy, hoặc nhấn vào chi tiết lệnh muốn hủy, chọn **Hủy lệnh**



4.1. Số dư tài khoản

Cung cấp thông tin **số dư của tài khoản**, chọn  để chuyển đổi xem giữa tài khoản Cơ sở và Phái sinh

Cơ Sở 			
Tài khoản	Tiền	Tài sản	Lãi / Lỗ
Tài khoản		3,129,333,477	>
(+) Tiền		844,823,777	
(+) Tài sản		2,284,509,700	
Thừa ký quỹ		1,798,540,407	^
(+) Giá trị ký quỹ		3,125,771,277	
(-) Yêu cầu ký quỹ		1,327,230,870	
Thặng dư ký quỹ		2,329,432,755	^
Ký quỹ duy trì		796,338,522	
Yêu cầu bổ sung KQ		-	
Tỷ lệ ký quỹ		235.5%	

Phái Sinh 			
Tài khoản	Tiền	Lãi / Lỗ	
Tài khoản		120,225,612,251	
(+) Tiền		120,202,202,251	
(+) Lãi / Lỗ đã hiện thực		-	
(+) Lãi / Lỗ tạm tính		23,110,000	
Thừa ký quỹ		119,278,740,251	
(+) Tài khoản		120,225,612,251	
(-) Yêu cầu ký quỹ		946,872,000	
Yêu cầu bổ sung KQ		-	
Duy trì		757,497,600	
Thiếu hụt ký quỹ		-	
Tỷ lệ ký quỹ		12,697.13%	

4.2. Số dư tiền

Cung cấp thông tin chi tiết **Số dư tiền**, chọn  để chuyển đổi xem giữa tài khoản Cơ sở và Phái sinh

Cơ Sở 			
Tài khoản	Tiền	Tài sản	Lãi / Lỗ
Tiền		844,823,777	
(+) Tiền mặt		864,174,650	
Số dư đầu ngày		864,174,650	
Tiền bán về		-	
Tiền mua cắt đi		-	
Nộp/Rút ròng		-	
(+) Tiền chờ về		-	
Tiền bán (T-1)		-	
Tiền bán (T)		-	
(-) Tiền chờ thanh toán		19,445,873	
Tiền tạm giữ		19,444,443	
Tiền mua (T-1)		-	
Tiền mua (T)		-	
Lãi vay cộng dồn		-	
Phí cộng dồn		1,430	
(+) Cổ tức tiền chờ phân bổ		95,000	

Phái Sinh 			
Tài khoản	Tiền	Lãi / Lỗ	
Tiền		120,202,202,251	
(+) Tiền mặt		124,144,583,009	
Số dư đầu ngày		124,144,583,009	
Nộp tiền		-	
Rút tiền		-	
(-) Tiền chờ thanh toán		3,942,380,758	
Tiền tạm giữ		3,940,780,758	
Phí / Thuế tạm tính TN		-	
Phí quản lý vị thế / TSKQ		1,600,000	

4.3. Theo dõi Lãi/ Lỗ của tài khoản

Chọn  để chuyển đổi xem giữa tài khoản Cơ sở và Phái sinh

Tài khoản cơ sở

Màn hình tài sản: theo dõi danh mục nắm giữ theo giá thị trường

Cơ Sở 

Tài khoản

Tiền

Tài sản

Lãi / Lỗ

Mã	Có thể bán	Tổng SL	Giá trị thị trường
HCM	700	856	24,224,800
PNJ	13,700	22,833	2,221,650,900
SAB	-	685	38,634,000
Tổng			2,284,509,700

Chọn để xem chi tiết mã nắm giữ

< Chi tiết nắm giữ

HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tổng SL	856
Có thể bán	700
Tạm giữ Quyền chờ về	- / 156
Mua (T) Bán (T)	- / -
Mua (T1) Bán (T1)	- / -
Tạm giữ chờ thanh toán	-
Thị giá	27.95
Giá trị thị trường	24,139,200

Hệ số định giá

50%

Giá trị tài sản đảm bảo

11,898,400

TLKQ ban đầu

100%

Ký quỹ yêu cầu

11,898,400

Chọn để đặt lệnh hoặc xem thông tin mã chứng khoán

MUA

BÁN

TT GIÁ

Màn hình Báo cáo Lãi/ Lỗ

Cơ Sở 

Tài khoản

Tiền

Tài sản

Lãi / Lỗ

Tỷ suất sinh lời (ROI) ⓘ

Ngày bắt đầu 02/01/2024

1 tháng	3 tháng	6 tháng	Trong năm	1 năm
0%	0%	19.3%	13.6%	19.1%

Tổng Lãi / Lỗ

+974,624,840

Lãi / Lỗ tạm tính

+938,412,778

Lãi / Lỗ đã hiện thực

+36,212,062

Mã	Tổng SL	Lãi/ Lỗ TT	% Lãi/ Lỗ TT
HCM	856	+3,763,770	+18.31%
PNJ	22,833	+929,080,920	+71.88%
SAB	685	+5,568,088	+16.84%

Chọn để xem Chi tiết lãi lỗ

< Chi tiết lãi lỗ

HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tổng SL	856
Có thể bán	700
Bán chờ khớp	-
Chờ về	156
Tạm giữ	-
Tỷ trọng	1%
Giá vốn TB	23,966
Thị giá	28,300
Giá trị thị trường	24,224,800

Lãi / Lỗ tạm tính

+3,763,770

% Lãi / Lỗ TT

18.31%

Cổ tức bằng tiền

95,000

Lãi / Lỗ đã hiện thực

+6,893,560

Chọn để đặt lệnh hoặc xem thông tin mã chứng khoán

MUA

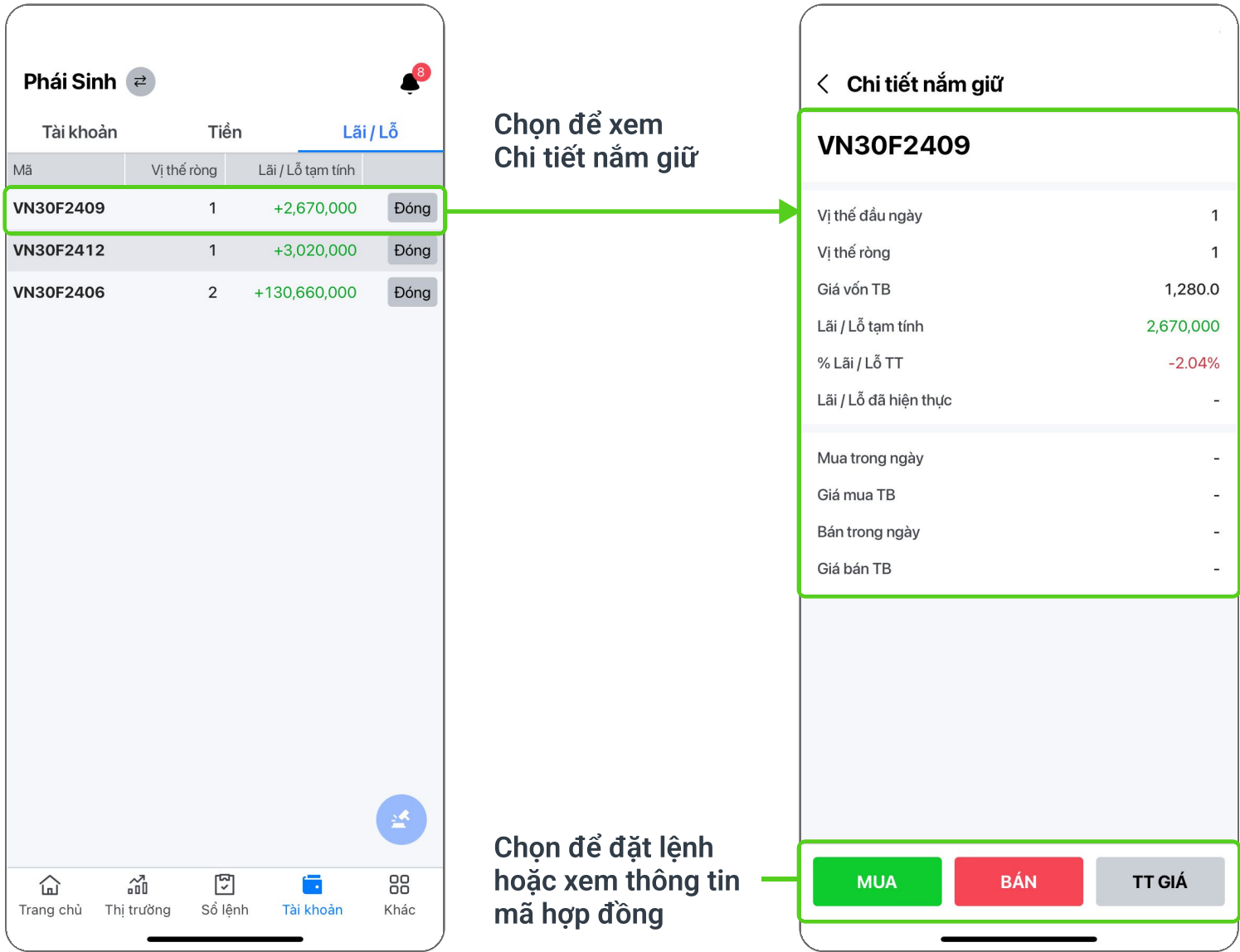
BÁN

TT GIÁ

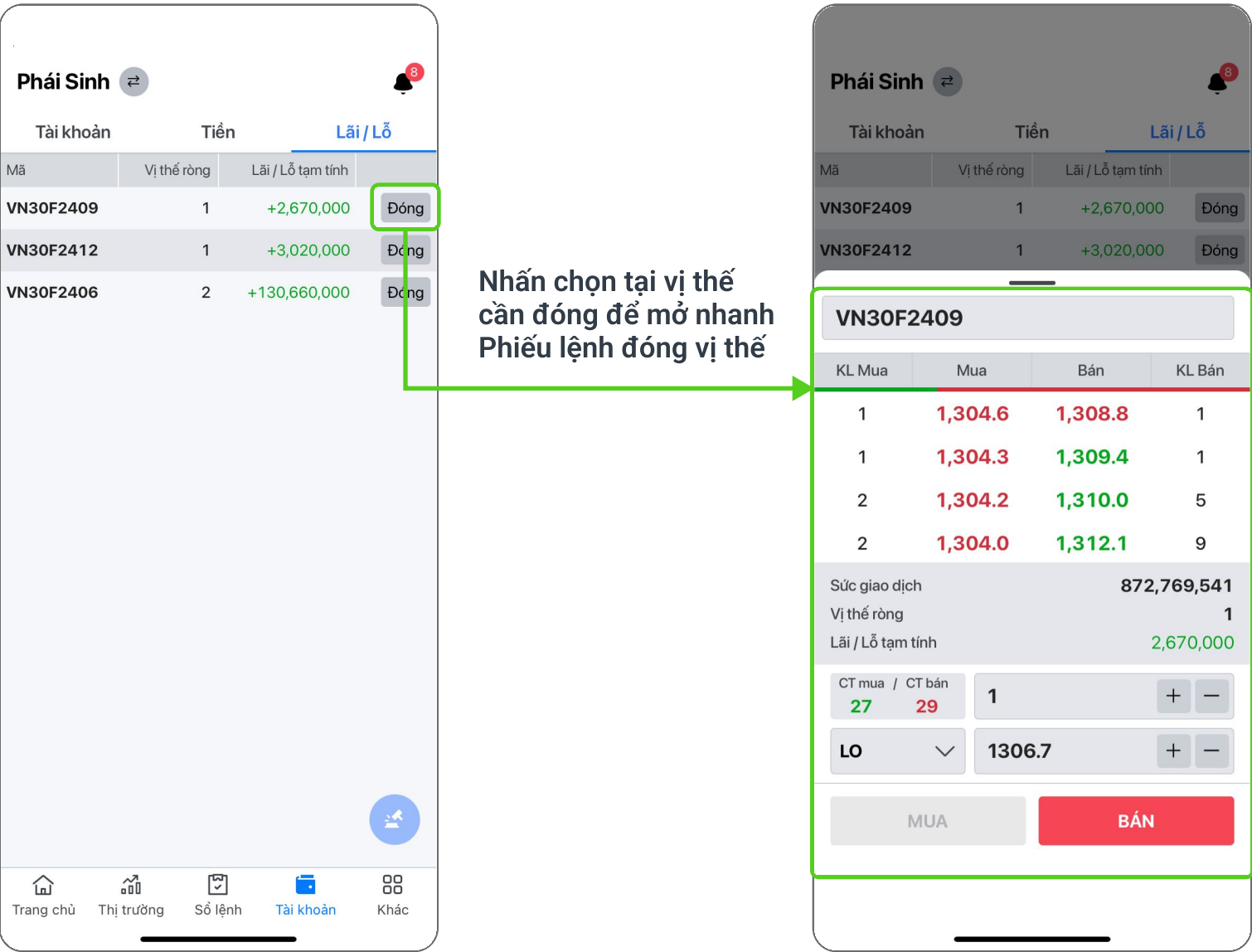
4.3. Theo dõi Lãi/ Lỗ của tài khoản

Tài khoản phái sinh

Tinh giản màn hình **Lãi/Lỗ** để dễ dàng theo dõi



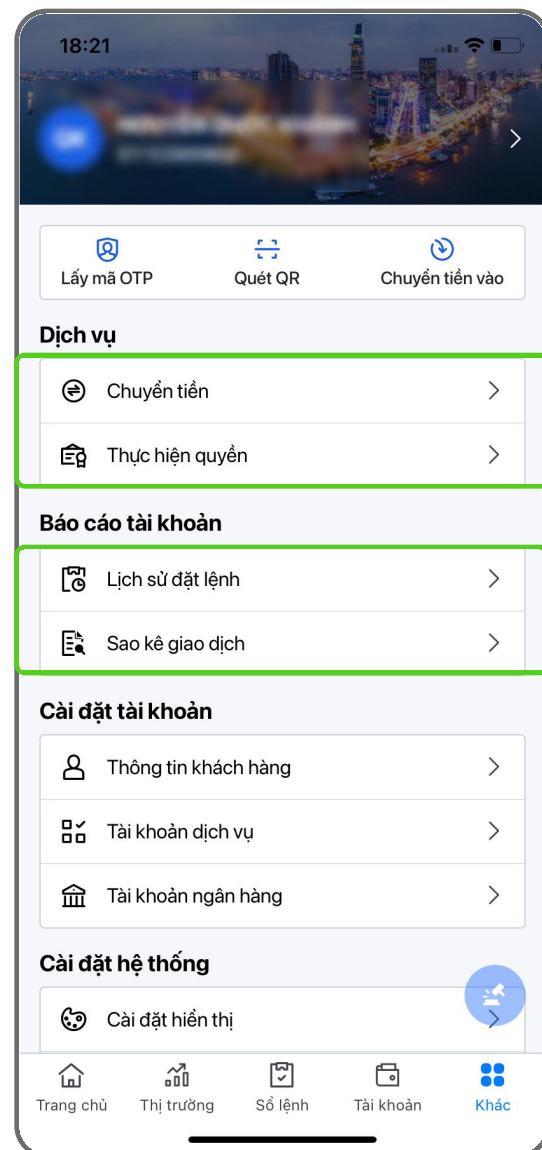
Hỗ trợ đóng nhanh vị thế tại màn hình **Lãi/Lỗ**



Dịch vụ được sắp xếp theo các nhóm chức năng cụ thể

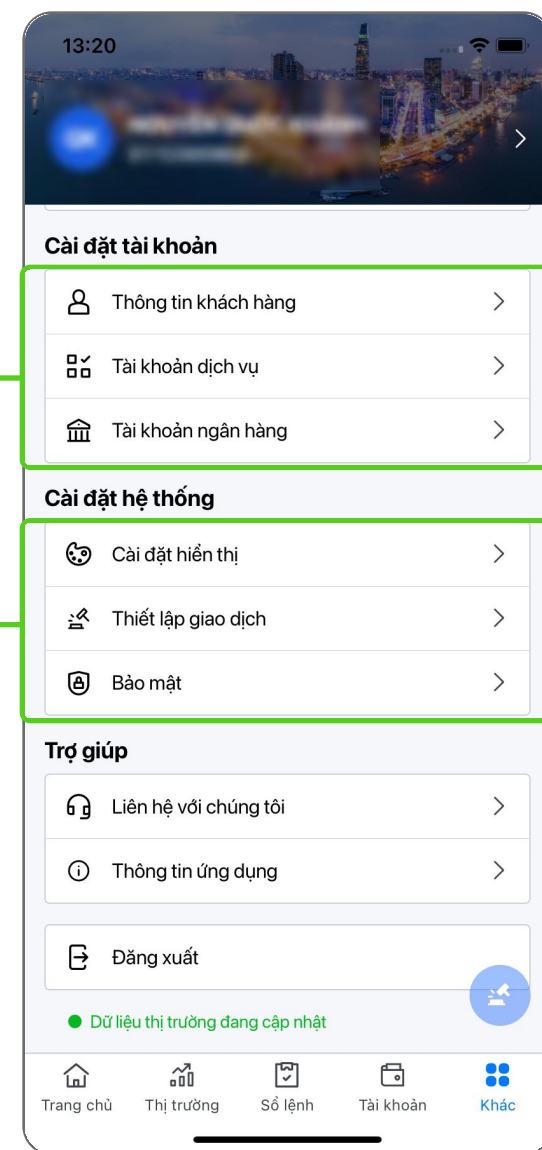
Cung cấp bộ lọc chi tiết tại các màn hình **Lịch sử đặt lệnh** và **Sao kê giao dịch**

Dịch vụ Chuyển tiền
và Thực hiện quyền



Hỗ trợ truy vấn
giao dịch tài khoản

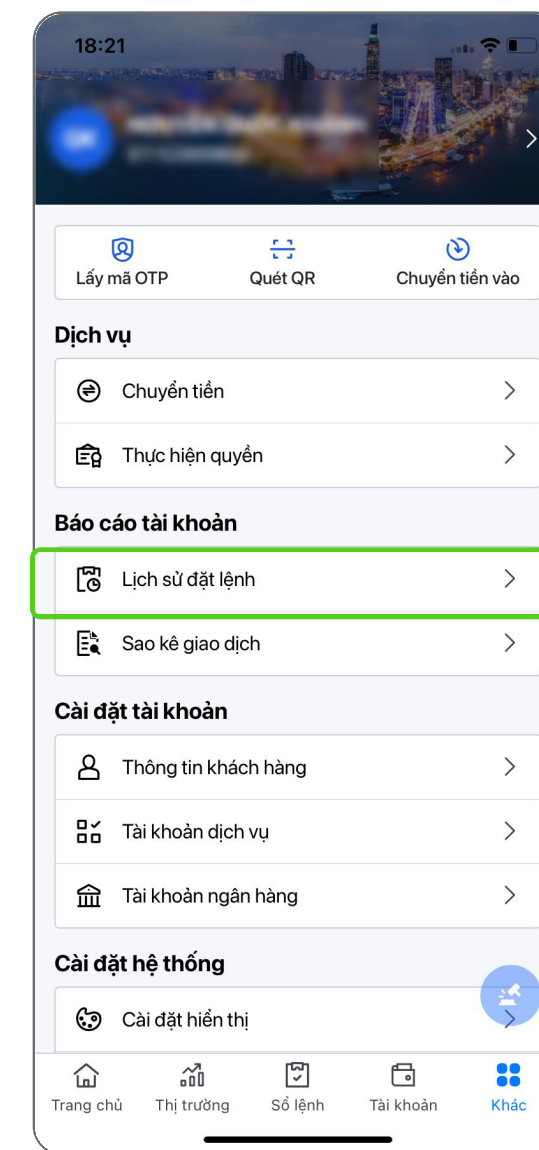
Cung cấp Thông tin khách hàng và
thông tin các dịch vụ đang sử dụng



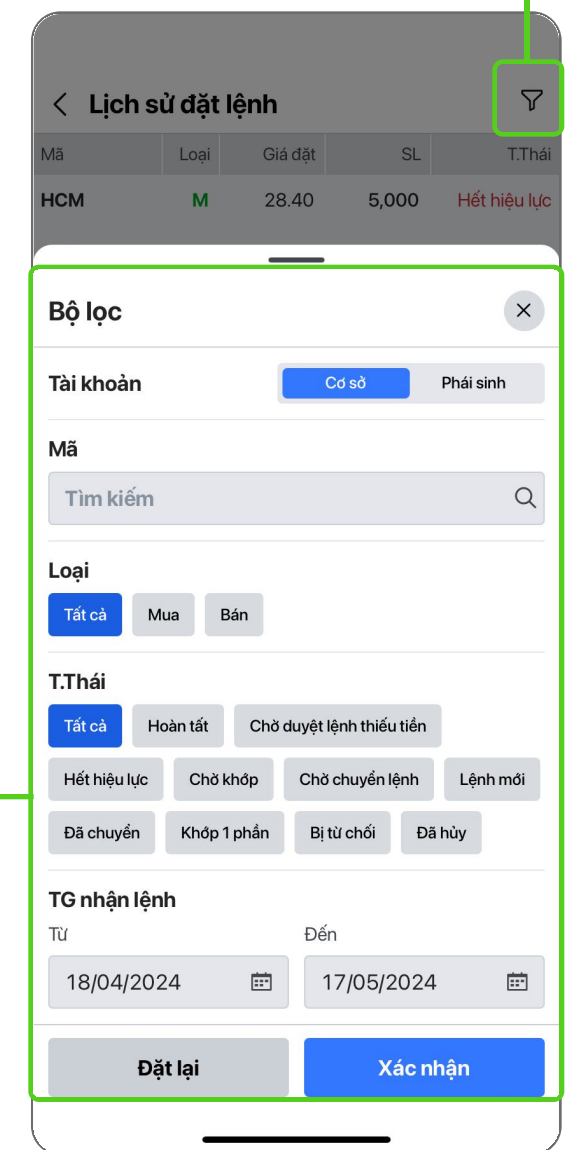
Hỗ trợ cài đặt hệ thống:

- Giao diện, ngôn ngữ, cỡ chữ
- Thiết lập tài khoản mặc định
- Cài đặt bảo mật tài khoản

Chọn để xem chi tiết



Chọn để xem
chi tiết bộ lọc



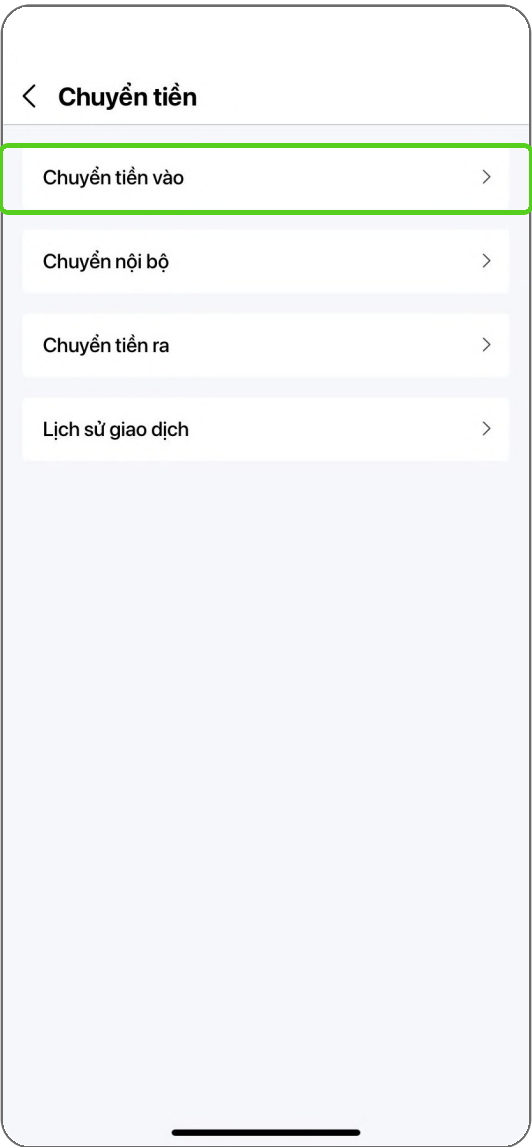
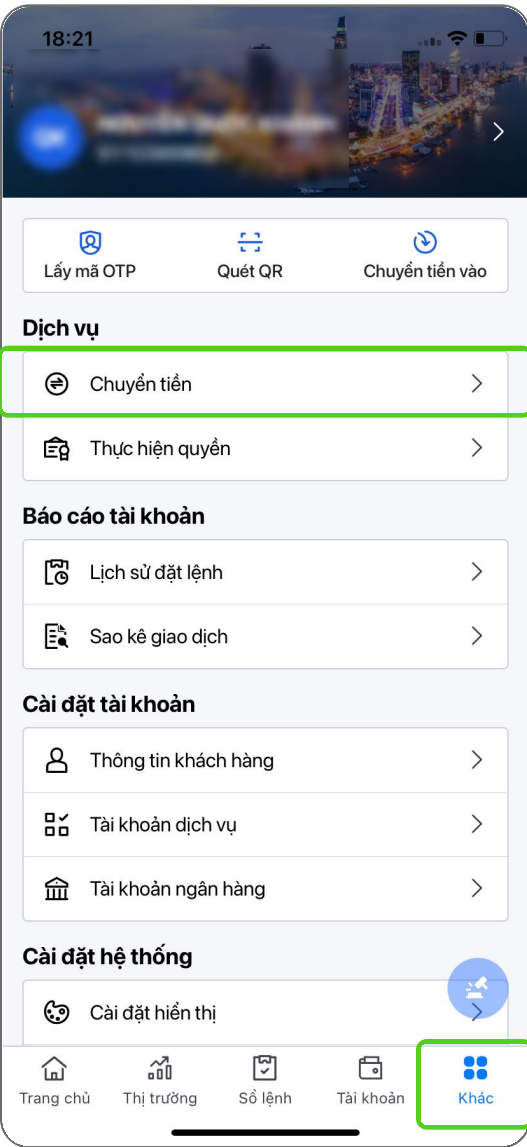
Lựa chọn các tiêu chí cần lọc và
nhấn Xác nhận để hoàn tất

5.1. Chuyển tiền

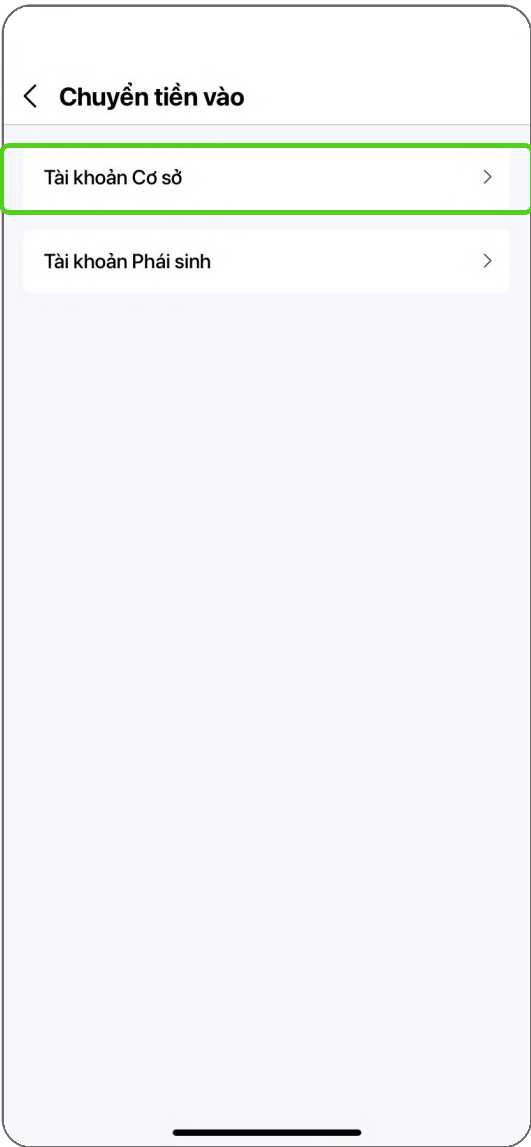
5.1.1. Chuyển tiền vào

Cung cấp thông tin ngân hàng để nộp tiền vào tài khoản chứng khoán tại HSC

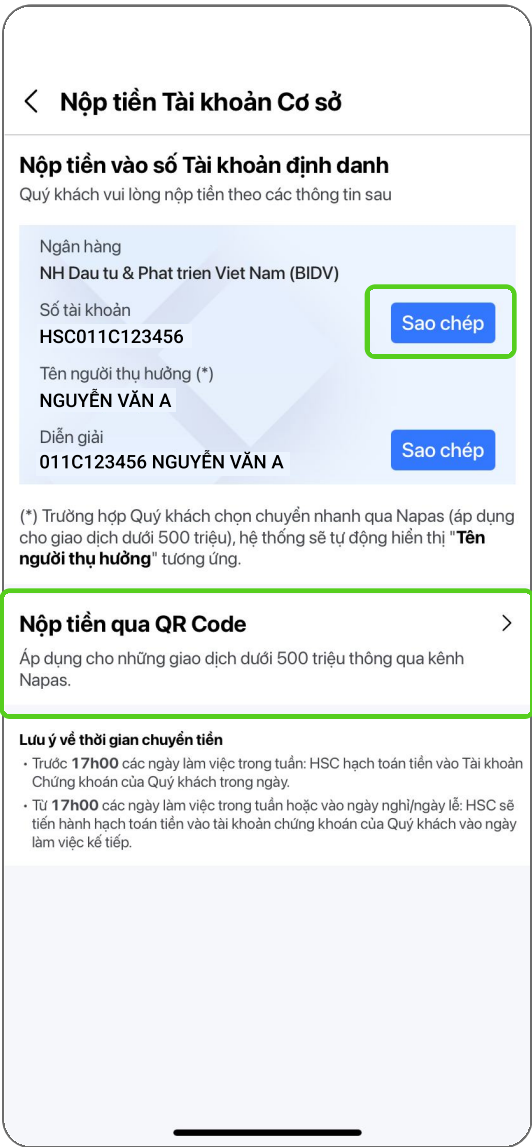
Bước 1: Tại mục Khác/Chuyển tiền, chọn Chuyển tiền vào



Bước 2: Chọn tài khoản muốn chuyển tiền vào: Tài khoản Cơ sở, Tài khoản Phái sinh



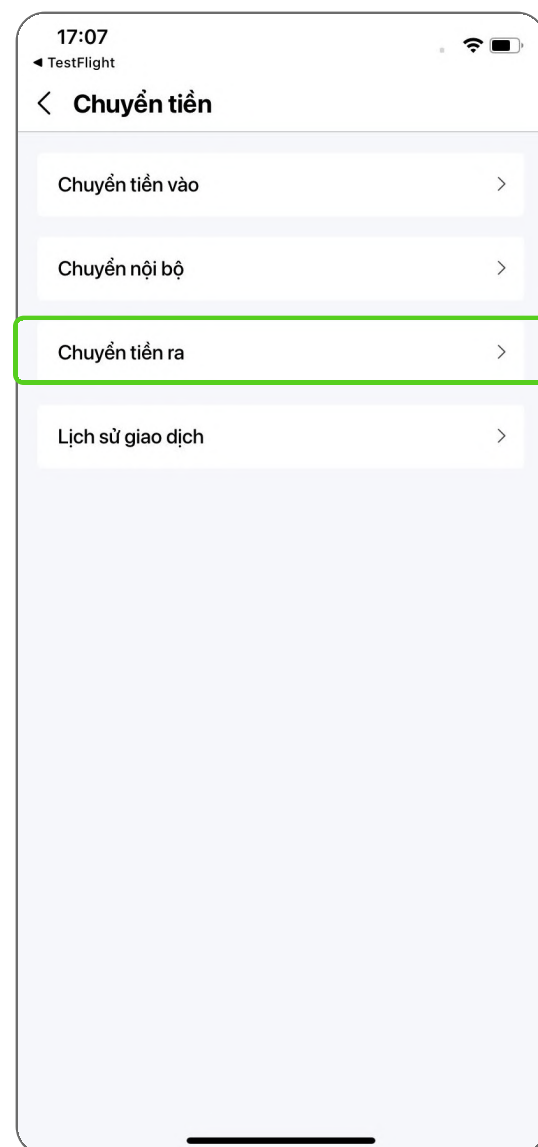
Bước 3: Tại màn hình Nộp tiền, chọn Sao chép số tài khoản chứng khoán và tài khoản ngân hàng hoặc chọn mã QR để quét thông tin chuyển khoản



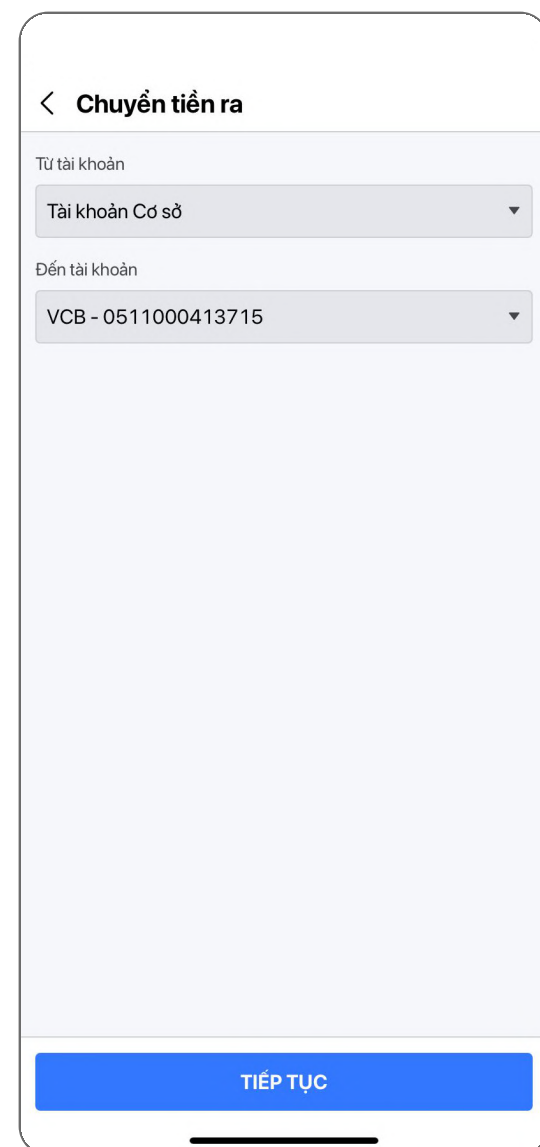
5.1.2. Chuyển tiền nội bộ/ Chuyển tiền ra ngân hàng

Dễ dàng và tiện lợi chuyển tiền giữa tài khoản cơ sở và phái sinh, cũng như chuyển tiền ra tài khoản ngân hàng đã đăng ký
Tại mục **Khác**, chọn dịch vụ **Chuyển tiền** để thực hiện chuyển tiền nội bộ/chuyển tiền ra ngân hàng

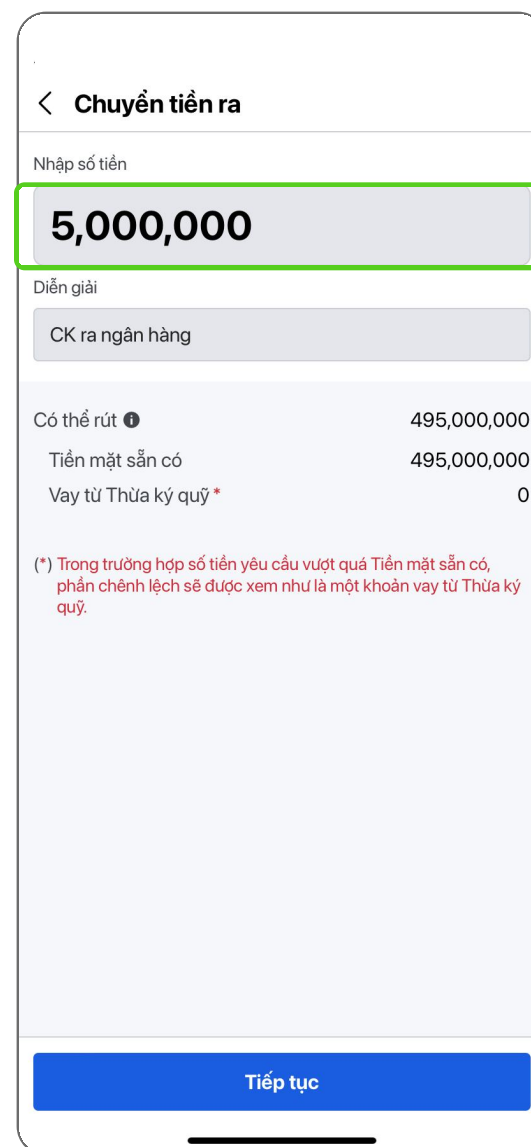
Bước 1:
Chọn Chuyển tiền ra



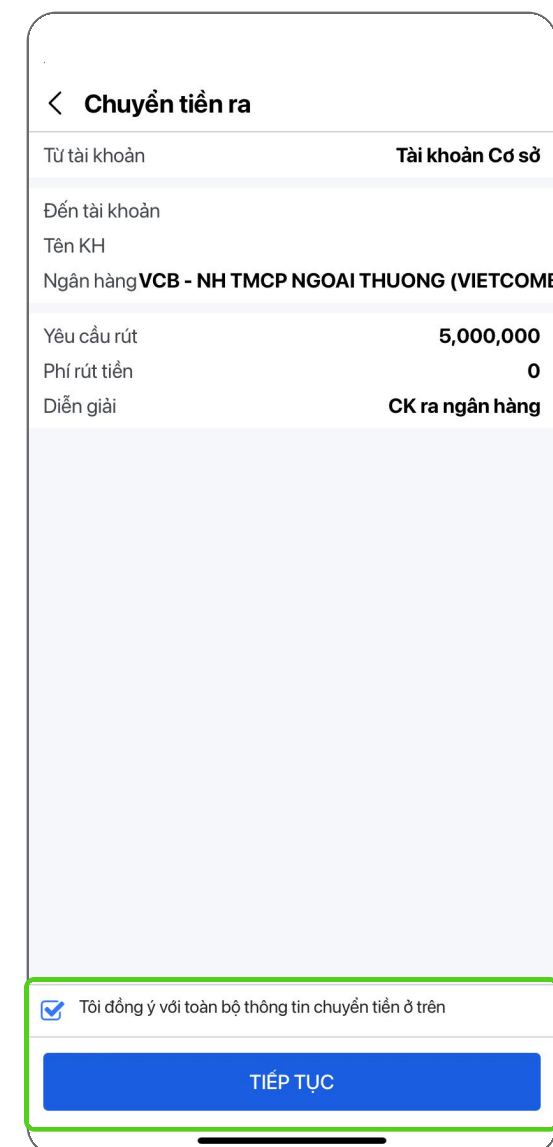
Bước 2: Chọn thông tin chuyển khoản:
• Từ tài khoản: Tài khoản Cơ sở/Phái sinh
• Đến tài khoản: Lựa chọn tài khoản ngân hàng đã đăng ký



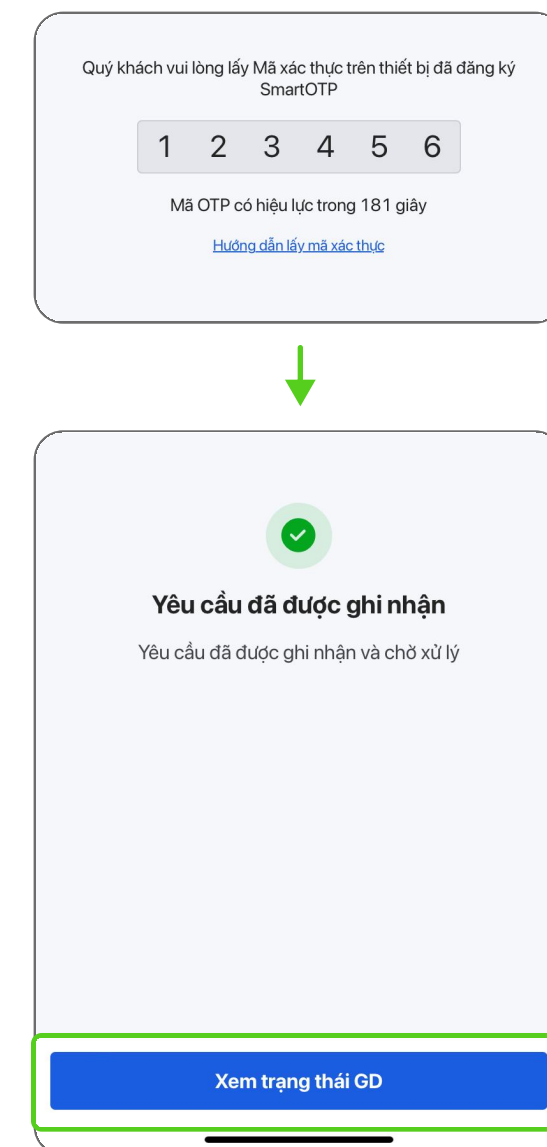
Bước 3: Nhập số tiền cần chuyển, chọn Tiếp tục



Bước 4: Kiểm tra thông tin cần chuyển tiền, chọn Tôi đồng ý với thông tin chuyển khoản, chọn Tiếp tục



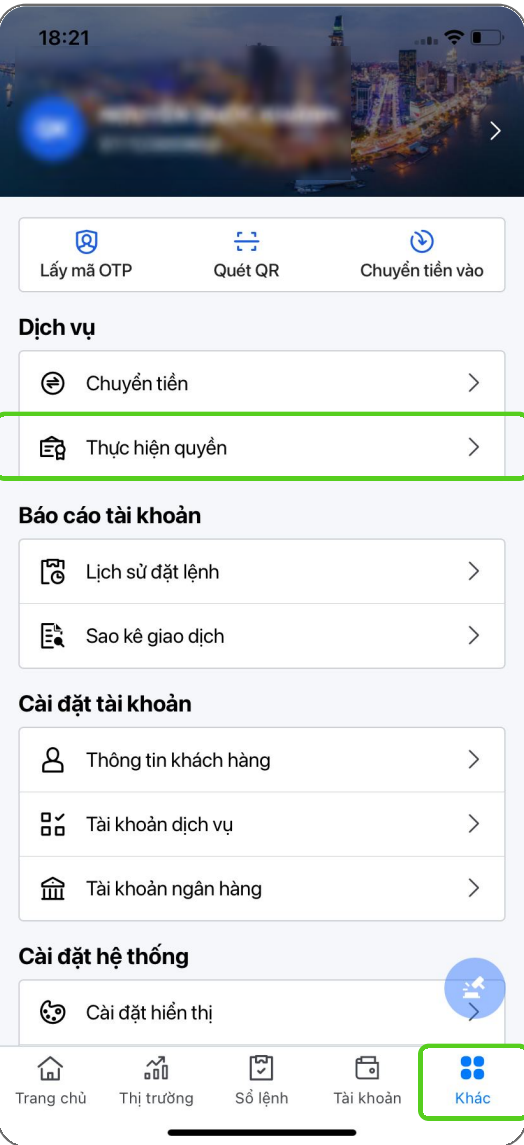
Bước 5: Nhập mã xác thực (hoặc Smart OTP nếu đã đăng ký), chọn Tiếp tục để hoàn tất
Chọn Xem trạng thái GD để theo dõi lệnh chuyển tiền



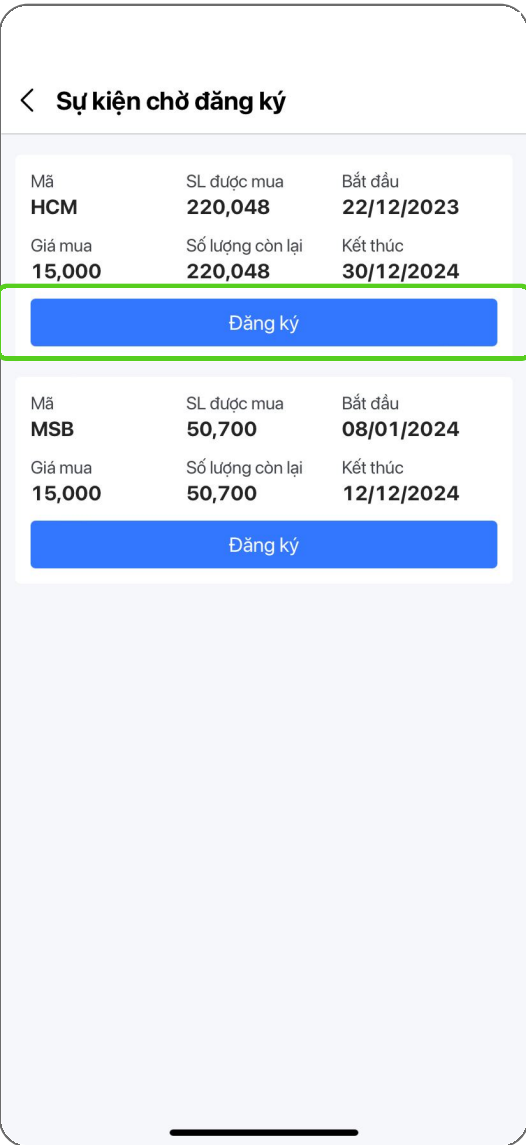
5.2. Thực hiện quyền trực tuyến

Tính năng đăng ký quyền mua trực tuyến được nâng cấp, khách hàng có thể thực hiện từ ứng dụng mobile thay vì chỉ thực hiện qua nền tảng web như trước đây.

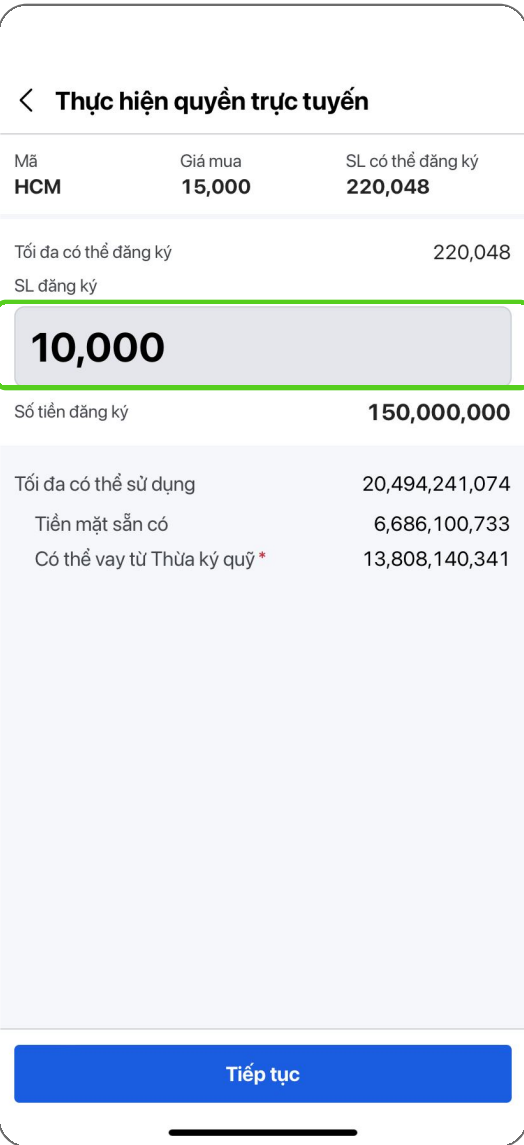
Bước 1: Chọn mục Khác/Thực hiện quyền



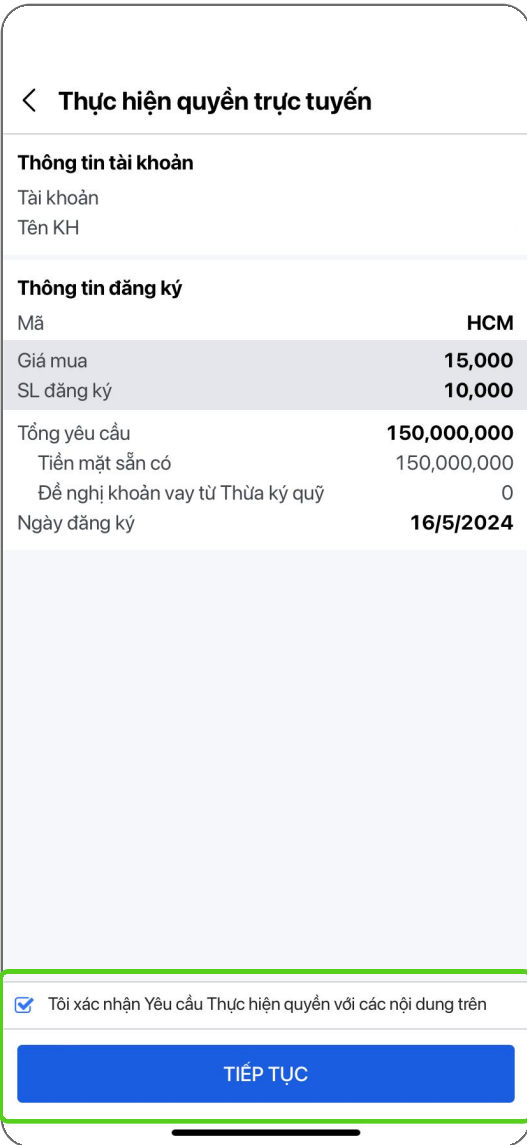
Bước 2: Chọn Đăng ký tại sự kiện muốn thực hiện



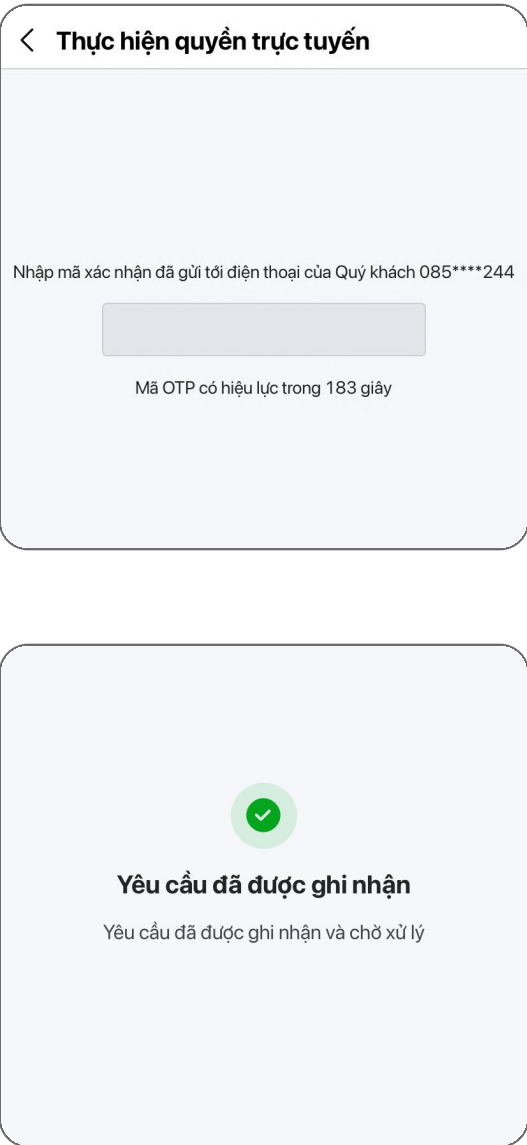
Bước 3: Nhập khối lượng đăng ký, chọn Tiếp tục



Bước 4: Kiểm tra thông tin và nhấn xác nhận, chọn Tiếp tục



Bước 5: Nhập mã xác nhận, chọn Tiếp tục để hoàn tất

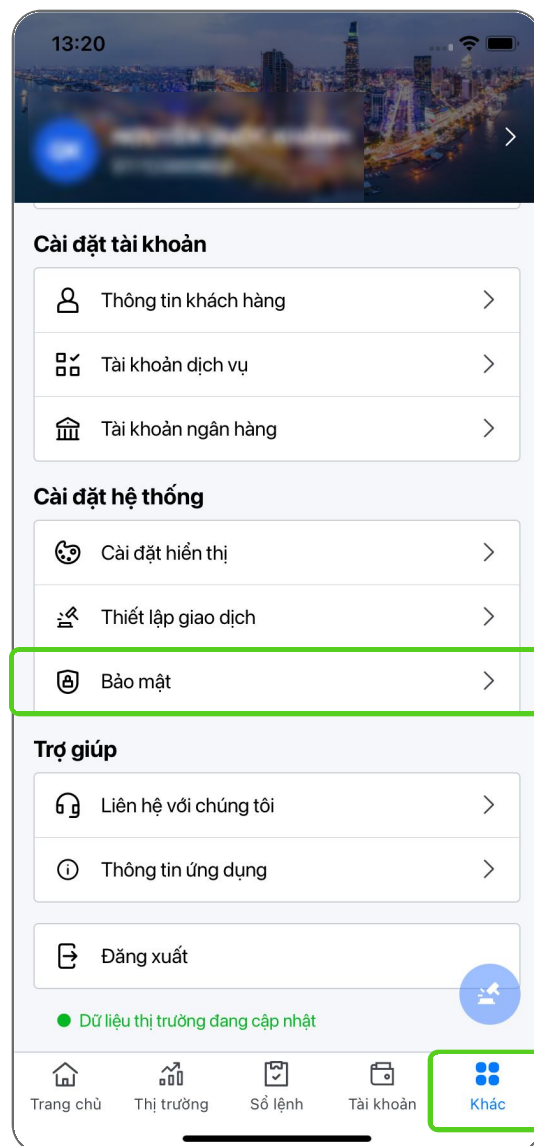


5.3. Smart OTP

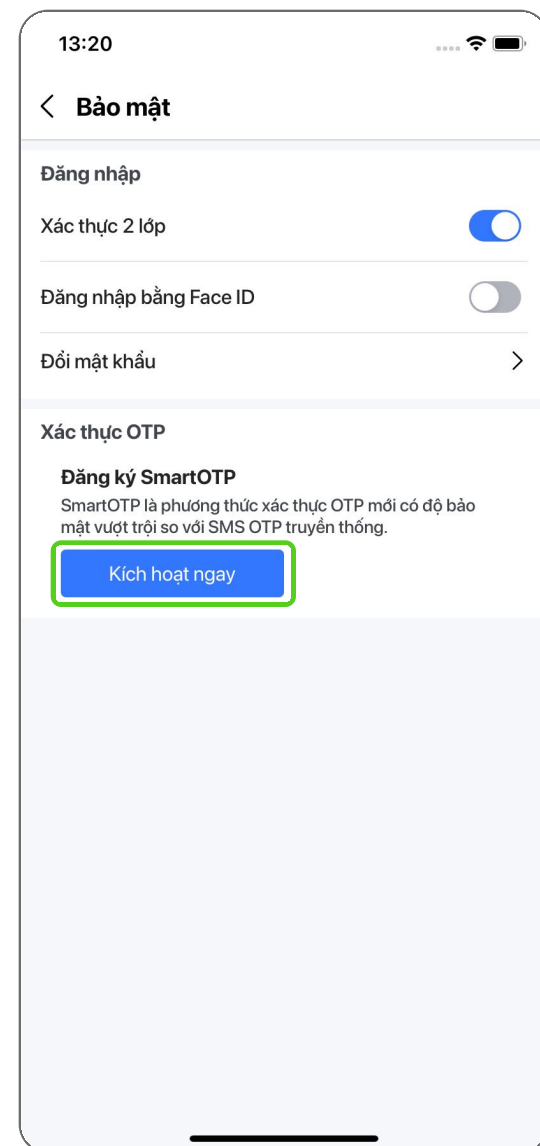
- Dịch vụ Smart OTP ra đời nhằm mục đích nâng cao độ an toàn và bảo mật cho tài khoản Khách hàng.
- Smart OTP được cài đặt trên thiết bị di động, có chức năng tạo mã OTP (One Time Password) để xác thực khi Khách hàng đăng nhập hoặc sử dụng các dịch vụ trên ứng dụng trực tuyến HSC ONE như rút/ chuyển tiền hay thực hiện quyền mua.

5.3.1. Hướng dẫn kích hoạt Smart OTP

Bước 1: Chọn mục Khác/Bảo mật để đăng ký Smart OTP



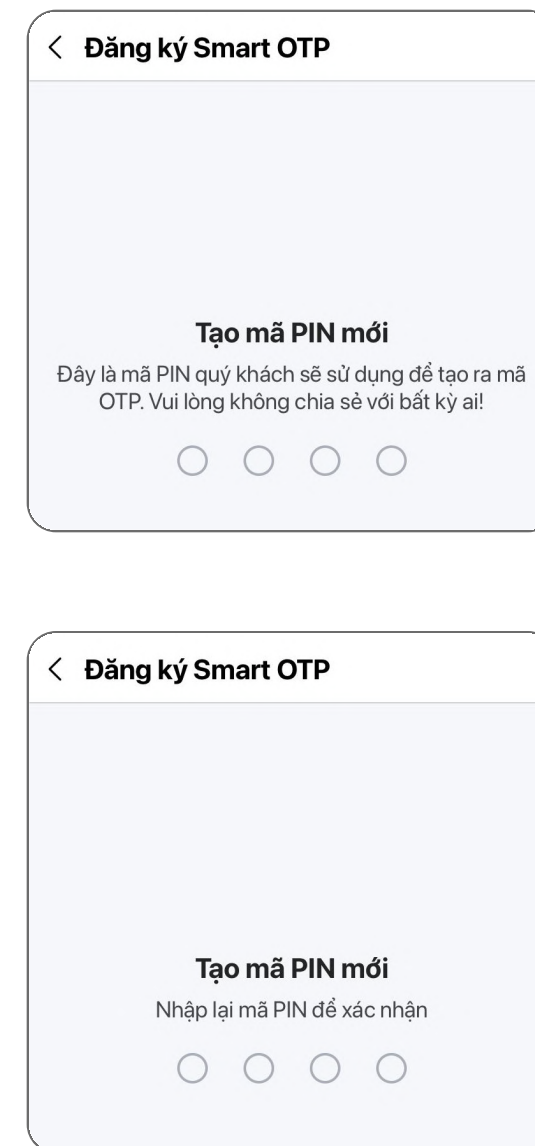
Bước 2: Tại mục Đăng ký Smart OTP, chọn Kích hoạt ngay



Bước 3: Nhấn chọn đồng ý Điều khoản và điều kiện, chọn Tiếp tục



Bước 4: Tạo mã PIN cho Smart OTP, mã PIN bao gồm 04 ký tự số



Bước 5: Nhập mã xác nhận được gửi tới SMS để hoàn tất đăng ký

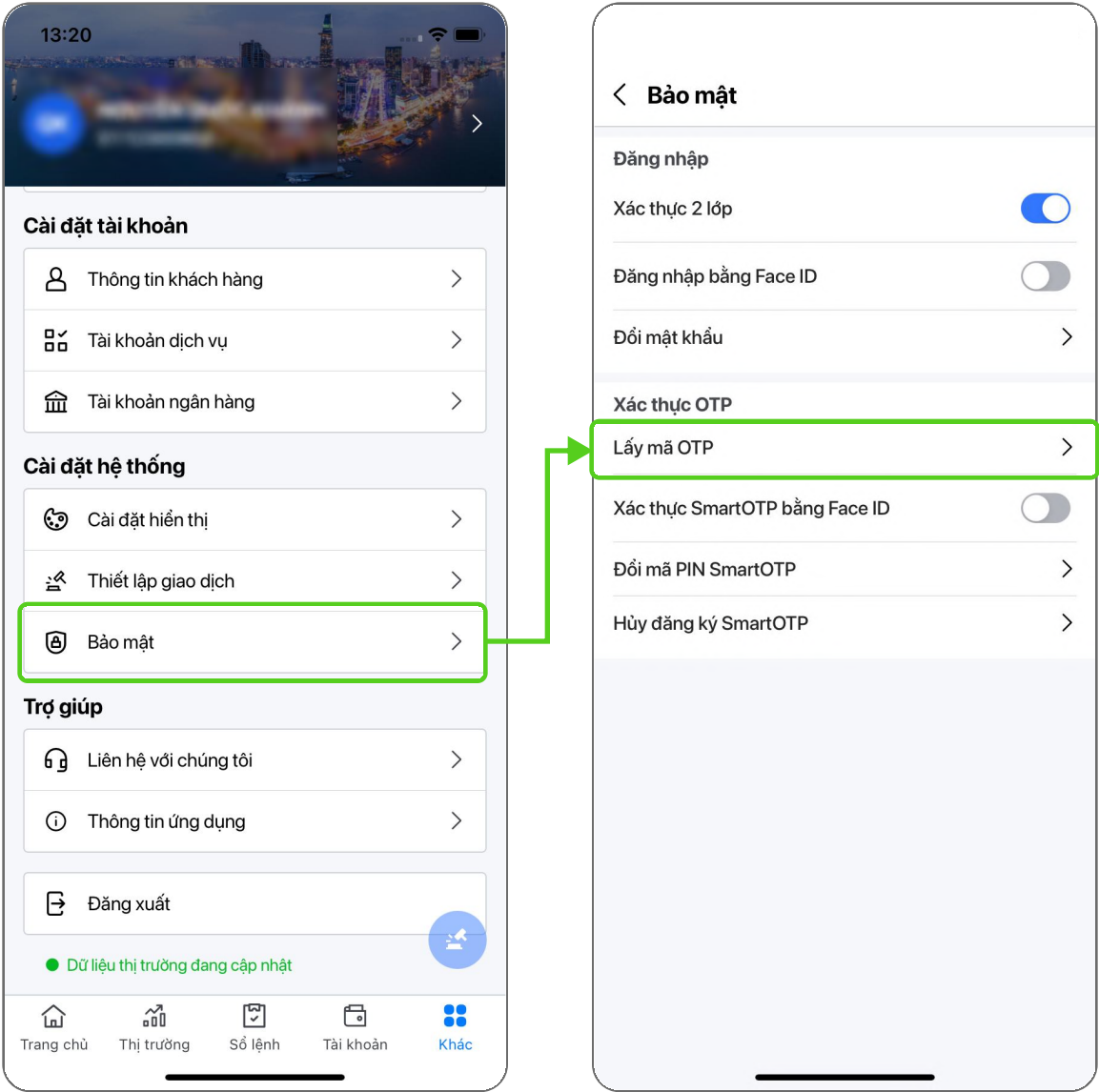


5.3.2. Hướng dẫn cách lấy mã Smart OTP

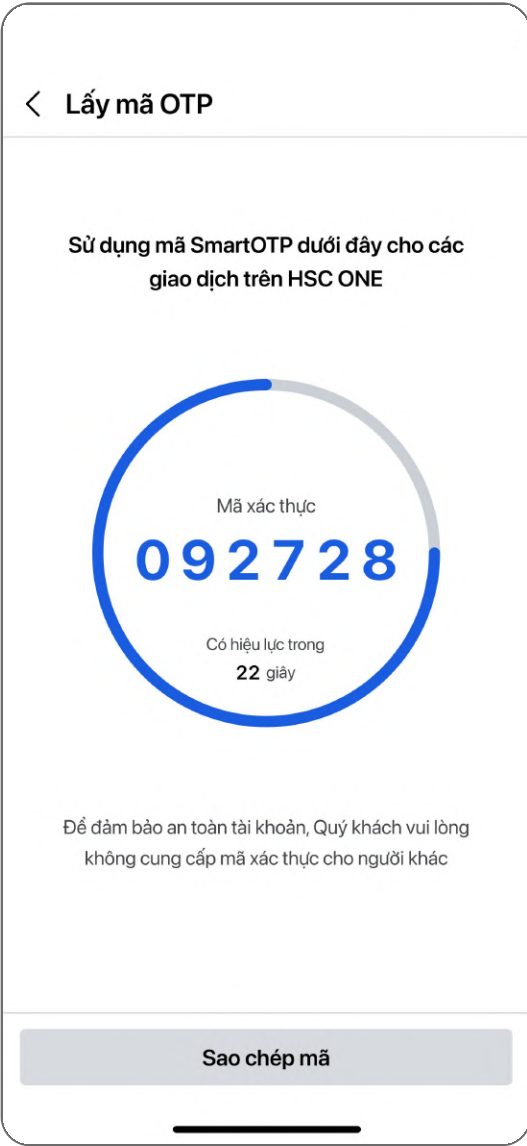
Cách 1: Tại mục Khác/Truy cập nhanh, chọn **Lấy mã OTP**



Cách 2: Tại mục **Khác/Bảo mật**, chọn **Lấy mã OTP**



Màn hình hiển thị mã xác thực **Smart OTP**

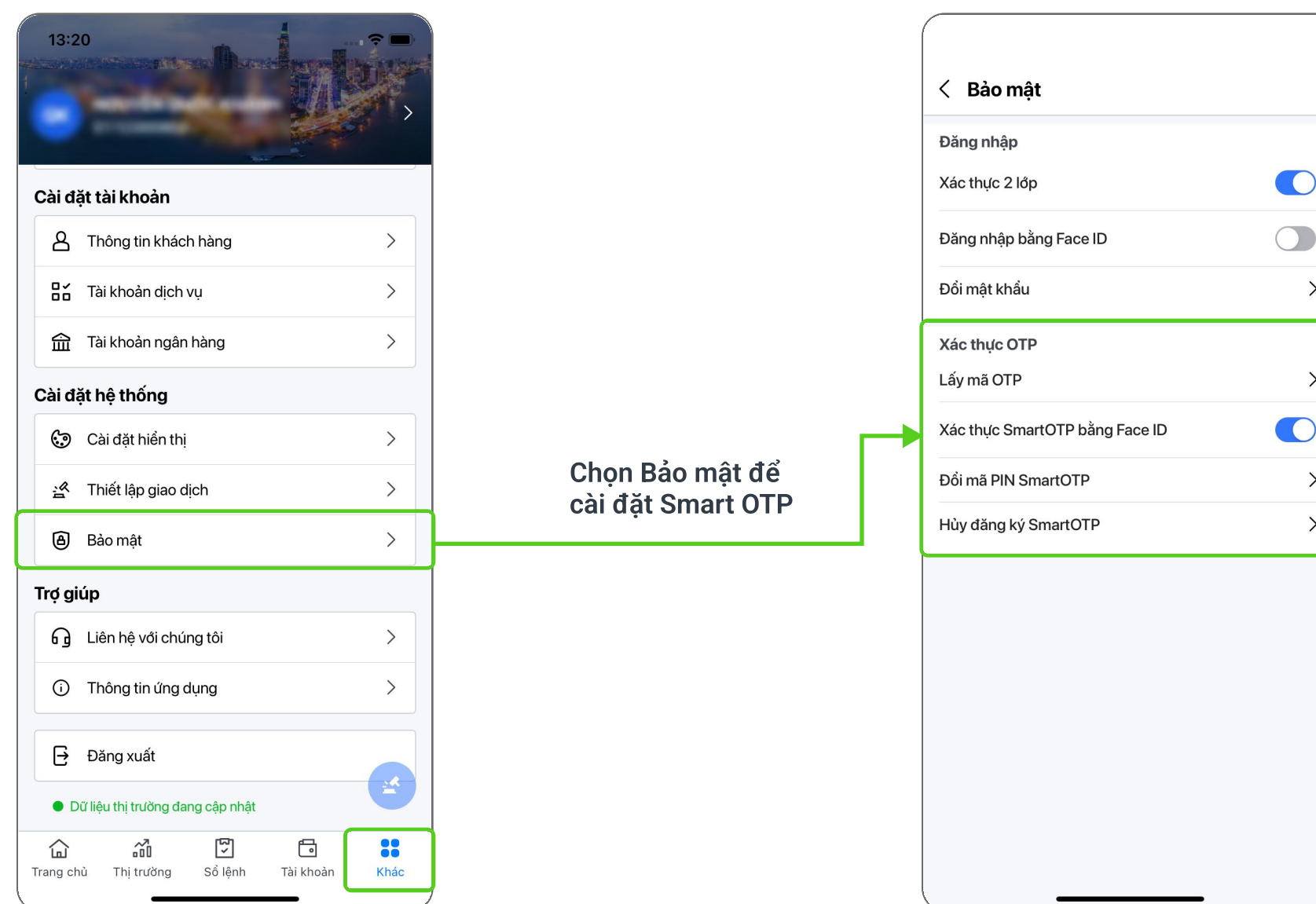


Lưu ý: mỗi mã xác thực Smart OTP được cung cấp chỉ sử dụng một lần.

5.3.3. Quản lý tính năng Smart OTP

Để dàng sử dụng tính năng Smart OTP với các tính năng hỗ trợ như: Kích hoạt sinh trắc học (sử dụng Face ID, vân tay thay cho việc nhập mật khẩu), đổi mã PIN hay hủy đăng ký Smart OTP

Lưu ý: chỉ cho phép **Hủy đăng ký và Quản lý Smart OTP** trên thiết bị di động đã đăng ký tính năng này.





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



support@hsc.com.vn



1900 633 996



<https://hsc.com.vn>